BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 94 /2026/TT-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn, tiêu chí và việc đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045";

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Phổ thông, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Cục trưởng Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn, tiêu chí và việc đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học".

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định tiêu chuẩn, tiêu chí để xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045" (sau đây gọi tắt là Đề án); việc tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án; việc rà soát, kiểm tra và điều chỉnh kết quả tự công nhận; nguyên tắc, nội dung, phương pháp, quy trình và trách nhiệm của cơ sở giáo dục, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện các hoạt động này theo từng giai đoạn; việc sử dụng kết quả tự đánh giá, tự công nhận và kiểm tra phục vụ quản lý, theo dõi, thúc đẩy và nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục thực hiện hoặc tham gia triển khai các hoạt động đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học thuộc các cấp học, trình độ đào tạo

và loại hình giáo dục được xác định trong Đề án, gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên;

b) Đối với giáo dục đại học, Thông tư này không áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học sử dụng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo theo quy định của Đề án;

c) Đối với giáo dục thường xuyên, Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục thường xuyên có hoạt động đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh;

d) Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc triển khai, tự đánh giá, tự công nhận, rà soát, kiểm tra và hậu kiểm mức độ triển khai thực hiện Đề án.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Tiêu chuẩn* là tập hợp các yêu cầu phản ánh một lĩnh vực cơ bản trong triển khai thực hiện Đề án, được sử dụng làm căn cứ đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục.

2. *Tiêu chí* là yêu cầu cụ thể thuộc một tiêu chuẩn, được sử dụng để xem xét mức độ đáp ứng của cơ sở giáo dục đối với yêu cầu tương ứng và làm căn cứ xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định tại Thông tư này.

3. *Mức độ triển khai thực hiện Đề án* là mức độ thể hiện kết quả triển khai thực hiện các nội dung của Đề án tại cơ sở giáo dục tại thời điểm xác định mức độ, được xác định theo các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Thông tư này.

4. *Tự đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án* là hoạt động do cơ sở giáo dục thực hiện nhằm đối chiếu thực trạng triển khai thực hiện Đề án với các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Thông tư này để xác định mức độ đạt được của cơ sở giáo dục.

5. *Minh chứng* là thông tin, tài liệu, hồ sơ, số liệu hoặc sản phẩm được sử dụng để làm căn cứ xác định kết quả triển khai thực hiện Đề án theo tiêu chuẩn, tiêu chí và mức độ tương ứng.

6. *Xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án* là việc cơ sở giáo dục xem xét kết quả tự đánh giá, tiêu chuẩn, tiêu chí, thông tin, dữ liệu và các căn cứ có liên quan để xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án mà cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư này.

7. *Tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án* là việc người đứng đầu cơ sở giáo dục, trên cơ sở kết quả tự đánh giá và xác định mức độ theo quy định tại Thông tư này, quyết định công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Điều 3. Mục tiêu chung

Việc ban hành quy định về tiêu chuẩn, tiêu chí và xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án nhằm các mục tiêu sau đây:

1. Cung cấp căn cứ để cơ sở giáo dục tự đánh giá theo quy định, theo dõi và xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án, rà soát những nội dung đã thực hiện, những nội dung cần tiếp tục triển khai hoặc điều chỉnh, phù hợp với từng loại hình cơ sở giáo dục và lộ trình từng giai đoạn.

2. Giúp cơ sở giáo dục chủ động lựa chọn và thực hiện các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế, nguồn lực và định hướng phát triển của cơ sở giáo dục để duy trì, điều chỉnh và từng bước nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án.

3. Cung cấp thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý giáo dục theo dõi, tổng hợp và phân tích tình hình triển khai Đề án; phục vụ công tác quản lý nhà nước, hoạch định chính sách, định hướng triển khai và phân bổ nguồn lực theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

4. Tạo động lực thúc đẩy xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong cơ sở giáo dục; góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh, từng bước mở rộng việc dạy và học bằng tiếng Anh, tăng cường hội nhập quốc tế phù hợp với mục tiêu, nội dung và lộ trình của Đề án.

5. Cung cấp căn cứ để cơ sở giáo dục tổ chức triển khai việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo mục tiêu, nội dung và lộ trình của Đề án, nhằm sử dụng tiếng Anh rộng rãi, thường xuyên, hiệu quả trong dạy học, giao tiếp, quản lý và các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục; tạo lập môi trường sử dụng tiếng Anh phù hợp với mục tiêu, điều kiện, lộ trình triển khai và mức độ thực hiện của từng cơ sở giáo dục.

Điều 4. Nguyên tắc chung trong thực hiện

Việc tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án tại cơ sở giáo dục phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật về giáo dục và quy định pháp luật khác có liên quan; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ và lộ trình triển khai Đề án và điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục.

2. Bảo đảm tính khách quan, trung thực, chính xác và minh bạch; kết quả tự đánh giá và xác định mức độ phải dựa trên thông tin, dữ liệu xác thực, phù hợp và có khả năng kiểm chứng, phản ánh đúng thực trạng mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục.

3. Bảo đảm tính phù hợp và khả thi; việc tự đánh giá và xác định mức độ phải tuân thủ đúng tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu của từng mức độ triển khai thực hiện Đề án, phù hợp với từng loại hình cơ sở giáo dục quy định tại Thông tư này.

4. Tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án nhằm xác định thực trạng triển khai để phục vụ theo dõi, điều chỉnh, nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án, công tác quản lý và hỗ trợ cơ sở giáo dục;

không sử dụng kết quả tự đánh giá, xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án để xếp loại thi đua đối với các cơ sở giáo dục.

5. Thông tin, dữ liệu, hồ sơ và các tài liệu, sản phẩm có liên quan đã được cập nhật, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục không yêu cầu cung cấp lại; dữ liệu được cập nhật tại nguồn và khai thác, sử dụng chung.

6. Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà giáo; không sử dụng kết quả tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án làm căn cứ trực tiếp để đánh giá, xếp loại, bổ nhiệm, tuyển dụng hoặc xác định chế độ, chính sách đối với nhà giáo, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Bảo đảm bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật công tác và thông tin thuộc diện hạn chế công khai trong quá trình thu thập, khai thác, xử lý, lưu trữ, chia sẻ và công khai thông tin, dữ liệu, tài liệu và sản phẩm phục vụ tự đánh giá, xác định; việc quản lý, sử dụng và cung cấp dữ liệu phải tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ bí mật công tác, an toàn thông tin mạng và các quy định pháp luật có liên quan.

8. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong quá trình xây dựng, cập nhật, kết nối, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin phục vụ tự đánh giá, xác định; phân quyền truy cập, sử dụng và khai thác dữ liệu phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

9. Đối với các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc áp dụng tiêu chuẩn, tiêu chí và tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án phải phù hợp với đặc thù về tổ chức, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, an ninh; bảo đảm yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, bí mật công tác, an toàn, an ninh thông tin và các quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

Chương II

XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN, CÔNG NHẬN VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ

Điều 5. Các mức độ triển khai thực hiện Đề án và căn cứ xác định

1. Mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục được xác định trên cơ sở kết quả đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của các tiêu chuẩn, tiêu chí tương ứng với từng loại hình cơ sở giáo dục quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Phụ lục I: Tiêu chuẩn, tiêu chí xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án đối với cơ sở giáo dục mầm non;

b) Phụ lục II: Tiêu chuẩn, tiêu chí xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án đối với cơ sở giáo dục phổ thông;

c) Phụ lục III: Tiêu chuẩn, tiêu chí xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án đối với cơ sở giáo dục thường xuyên;

d) Phụ lục IV: Tiêu chuẩn, tiêu chí xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

đ) Phụ lục V: Tiêu chuẩn, tiêu chí xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án đối với cơ sở giáo dục đại học.

2. Mức độ triển khai thực hiện Đề án tại cơ sở giáo dục được xác định theo 03 mức độ, theo nguyên tắc kế thừa và phát triển. Mức độ cao hơn được xác định trên cơ sở kế thừa kết quả đáp ứng của mức độ trước và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu bổ sung tương ứng với mức độ đó theo quy định tại phụ lục tương ứng với từng loại hình cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Thông tư này. Mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục là mức độ cao nhất mà cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định, cụ thể:

a) Mức độ 1 được xác định khi cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Mức độ 1;

b) Mức độ 2 được xác định khi cơ sở giáo dục đã đạt Mức độ 1 và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Mức độ 2;

c) Mức độ 3 được xác định khi cơ sở giáo dục đã đạt Mức độ 2 và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Mức độ 3;

d) Chưa xác định được mức độ khi cơ sở giáo dục chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Mức độ 1.

3. Đối với nhà trường có trường chính, phân hiệu, điểm trường, việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục được thực hiện trên cơ sở kết quả đánh giá của trường chính, từng phân hiệu, điểm trường theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu tương ứng quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. Trường chính, mỗi phân hiệu, điểm trường được xác định là một đơn vị triển khai thực hiện Đề án để tính tỷ lệ theo quy định tại khoản này.

Mức độ triển khai thực hiện Đề án chung của nhà trường được xác định trên cơ sở tổng hợp kết quả của trường chính và từng phân hiệu, điểm trường, theo mức cao nhất đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản này. Đối với nhà trường có từ 03 đơn vị trở lên (bao gồm trường chính, phân hiệu, điểm trường), phải có ít nhất 65% tổng số đơn vị đạt mức độ tương ứng trở lên; đối với nhà trường có dưới 03 đơn vị, tất cả các đơn vị phải đạt mức độ tương ứng trở lên.

Điều 6. Tự đánh giá của cơ sở giáo dục

1. Cơ sở giáo dục căn cứ các tiêu chuẩn, tiêu chí và yêu cầu quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này để tự đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án phù hợp với mục tiêu, điều kiện và lộ trình thực hiện của cơ sở giáo dục.

2. Việc tự đánh giá được thực hiện theo chu kỳ, gắn với quá trình triển khai thực hiện Đề án và được tích hợp với hoạt động quản trị, quản lý, chuyên môn của cơ sở giáo dục. Hằng năm, cơ sở giáo dục rà soát, cập nhật thông tin, dữ liệu, tiến độ triển khai và những nội dung cần nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án;

việc rà soát, cập nhật hằng năm không đồng nghĩa với việc phải thực hiện đầy đủ quy trình tự đánh giá quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Khi thực hiện đầy đủ quy trình tự đánh giá để xác định hoặc xác định lại mức độ triển khai thực hiện Đề án, cơ sở giáo dục thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

a) Người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá có số lượng thành viên là số lẻ, từ 05 thành viên trở lên, phù hợp với loại hình, quy mô và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục; gồm Chủ tịch là 01 cấp phó của người đứng đầu cơ sở giáo dục, Thư ký và các ủy viên là đại diện lãnh đạo cơ sở giáo dục, đơn vị, bộ phận chuyên môn và các thành phần khác phù hợp với yêu cầu, đặc điểm của cơ sở giáo dục;

b) Thu thập, cập nhật, sử dụng và phân tích thông tin, dữ liệu, các căn cứ có liên quan;

c) Xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án, các nội dung cần tiếp tục thực hiện, điều chỉnh nhiệm vụ, đề xuất và thực hiện giải pháp phù hợp theo quy định tại Điều 9 Thông tư này;

d) Công khai kết quả tự đánh giá và thực hiện giải trình theo quy định.

4. Thông tin, dữ liệu, hồ sơ và tài liệu có liên quan đã được cập nhật, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục thì không yêu cầu cơ sở giáo dục cung cấp lại. Dữ liệu được cập nhật, quản lý tại nguồn và được khai thác, sử dụng chung phục vụ tự đánh giá, quản lý, theo dõi, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

Điều 7. Tự công nhận và kiểm tra, điều chỉnh kết quả tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án

1. Tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án

a) Sau khi hoàn thành tự đánh giá và xác định cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của mức độ tương ứng quy định tại Điều 5 và phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục;

b) Cơ sở giáo dục được tự công nhận mức độ cao hơn ngay khi kết quả tự đánh giá cho thấy đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của mức độ cao hơn theo quy định; không phải chờ đến hết giai đoạn hoặc mốc rà soát của Đề án;

c) Kết quả tự công nhận mức độ được cập nhật vào hệ thống thông tin quản lý giáo dục theo quy định; cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ và phù hợp của thông tin, dữ liệu, các căn cứ sử dụng trong tự đánh giá và kết quả tự công nhận;

d) Cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp khai thác, rà soát, tổng hợp kết quả tự công nhận của cơ sở giáo dục trên hệ thống thông tin quản lý giáo dục; thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin thuộc trách nhiệm quản lý theo phân cấp;

đ) Đối với cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, việc tự công nhận, kiểm tra, rà soát và điều chỉnh kết quả tự công nhận được thực hiện theo quy định của Thông tư này và quy định hoặc hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

2. Kiểm tra và điều chỉnh kết quả tự công nhận

a) Cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp thực hiện kiểm tra kết quả tự công nhận của cơ sở giáo dục tại các mốc rà soát, đánh giá theo kế hoạch thực hiện Đề án hoặc theo kế hoạch kiểm tra được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoặc khi có thông tin, dữ liệu cho thấy kết quả tự công nhận chưa phù hợp với thực tế triển khai thực hiện Đề án;

b) Việc kiểm tra được thực hiện trên cơ sở khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu và các căn cứ có liên quan đã có trên cơ sở dữ liệu ngành, hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục và các nguồn thông tin hợp pháp khác; không yêu cầu cơ sở giáo dục cung cấp lại thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu đã có trên hệ thống;

c) Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy cơ sở giáo dục không còn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mức độ đã tự công nhận, cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp yêu cầu cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá lại và điều chỉnh kết quả tự công nhận cho phù hợp; kết quả điều chỉnh được cập nhật trong hệ thống thông tin quản lý;

d) Trường hợp cơ sở giáo dục vẫn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mức độ đã tự công nhận, kết quả tự công nhận được giữ nguyên và tiếp tục được sử dụng theo quy định;

đ) Trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy cơ sở giáo dục đáp ứng đầy đủ yêu cầu của mức độ cao hơn, cơ sở giáo dục thực hiện tự đánh giá và tự công nhận mức độ cao hơn theo quy định tại khoản 1 Điều này;

e) Việc kiểm tra, điều chỉnh kết quả tự công nhận phải bảo đảm khách quan, minh bạch, có căn cứ và phù hợp với thông tin, dữ liệu về kết quả triển khai thực hiện Đề án.

Điều 8. Sử dụng kết quả tự đánh giá, tự công nhận và kiểm tra, điều chỉnh mức độ triển khai thực hiện Đề án

Kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ và kiểm tra, điều chỉnh mức độ triển khai thực hiện Đề án được sử dụng để:

1. Làm căn cứ để cơ sở giáo dục xây dựng, thực hiện và theo dõi các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án; xác định nhu cầu về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị, kinh phí và các điều kiện bảo đảm khác để thực hiện Đề án.

2. Làm căn cứ để cơ quan quản lý giáo dục theo phân cấp theo dõi, đánh giá tiến độ và kết quả triển khai thực hiện Đề án; tổng hợp, cập nhật dữ liệu; xác định nhu cầu, xây dựng chính sách hỗ trợ và bố trí nguồn lực theo thẩm quyền, quy

định của pháp luật; hoạch định, điều chỉnh chính sách phù hợp với từng giai đoạn thực hiện Đề án.

3. Cung cấp thông tin về mức độ cơ sở giáo dục tự công nhận và một số thông tin chính về kết quả triển khai thực hiện Đề án cho người học, gia đình và xã hội theo quy định về công khai; không công khai thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi nội bộ, dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước hoặc thông tin khác không thuộc phạm vi phải công khai theo quy định của pháp luật.

4. Kết quả tự đánh giá, tự công nhận và kết quả kiểm tra, điều chỉnh mức độ triển khai thực hiện Đề án không được sử dụng để xếp hạng, xếp loại hoặc làm căn cứ trực tiếp để đánh giá, xếp loại thi đua đối với cơ sở giáo dục; việc sử dụng kết quả phải bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, đặc điểm của từng cơ sở giáo dục và mục tiêu của từng giai đoạn thực hiện Đề án. Quy định này không hạn chế việc tổng hợp, phân tích dữ liệu ở cấp quản lý để phục vụ quản lý nhà nước, hoạch định chính sách và bố trí nguồn lực theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Nhiệm vụ, giải pháp nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án

1. Căn cứ kết quả tự đánh giá, kết quả tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án và kết quả kiểm tra, điều chỉnh (nếu có), cơ sở giáo dục xác định các nội dung cần tiếp tục thực hiện, điều chỉnh nhiệm vụ, đề xuất và thực hiện giải pháp phù hợp; các nội dung này được tích hợp vào kế hoạch năm học, kế hoạch phát triển cơ sở giáo dục hoặc kế hoạch khác có liên quan của cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình thực hiện Đề án.

2. Cơ sở giáo dục chủ động bố trí, huy động các nguồn lực theo quy định để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã được tích hợp trong kế hoạch của cơ sở giáo dục; định kỳ rà soát kết quả thực hiện, điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp nhằm từng bước nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án.

3. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án được cập nhật trong quá trình tự đánh giá, theo dõi thực hiện và là nguồn thông tin phục vụ theo dõi, đánh giá kết quả và xác định nhu cầu tiếp tục triển khai, điều chỉnh, nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án.

4. Việc xây dựng, thực hiện và theo dõi các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện trong khuôn khổ các quy trình quản trị, bảo đảm chất lượng và kế hoạch hiện có của cơ sở giáo dục.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Cục Quản lý chất lượng

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn việc tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo tiêu chuẩn, tiêu chí và phương pháp quy định tại Thông tư này;

b) Chủ trì việc tổng hợp chung về kết quả tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của các cấp, bậc học trên cơ sở kết quả tổng hợp của Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ Giáo dục Phổ thông, Vụ Giáo dục Đại học, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên gửi về;

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tự đánh giá, tự công nhận và kiểm tra, điều chỉnh mức độ triển khai thực hiện Đề án theo thẩm quyền;

đ) Tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí, phương pháp xác định mức độ và các quy định có liên quan phù hợp với yêu cầu quản lý và thực tiễn.

2. Vụ Giáo dục Mầm non, Vụ Giáo dục Phổ thông, Vụ Giáo dục Đại học, Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tự đánh giá, xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo tiêu chuẩn, tiêu chí đối với các loại hình cơ sở giáo dục thuộc lĩnh vực được giao quản lý;

b) Chủ trì quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phục vụ tự đánh giá, tự công nhận, kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án;

c) Theo dõi tình hình triển khai thực hiện Đề án thuộc lĩnh vực quản lý; tiếp nhận, rà soát, tổng hợp báo cáo hằng năm về kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi được giao quản lý; gửi kết quả tổng hợp về Cục Quản lý chất lượng trước ngày 15 tháng 7 hằng năm để tổng hợp chung theo quy định; cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ theo dõi, tổng hợp chung; kiểm tra và quản lý việc triển khai thực hiện tiêu chuẩn, tiêu chí và việc đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học";

d) Phối hợp theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án; đề xuất các giải pháp, chính sách để nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng các nội dung trong cơ sở dữ liệu chuyên ngành để các cơ sở giáo dục báo cáo sau tự đánh giá và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án.

4. Các đơn vị khác thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp với Cục Quản lý chất lượng và các đơn vị liên quan trong tổ chức thực hiện Thông tư này; cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

Điều 11. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý giáo dục.

2. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn; bố trí, huy động và sử dụng các nguồn lực theo thẩm quyền, phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực.

3. Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo:

a) Theo dõi, tổng hợp, thống kê kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của các cơ sở giáo dục trên địa bàn;

b) Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 6 hằng năm;

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và khai thác, sử dụng dữ liệu về kết quả triển khai thực hiện Đề án theo thẩm quyền.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp quản lý giáo dục và quy định của pháp luật.

2. Phối hợp theo dõi việc triển khai thực hiện Thông tư này đối với các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi được phân cấp quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và tổ chức thực hiện Thông tư này theo thẩm quyền, phân cấp quản lý giáo dục và quy định của pháp luật.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện Thông tư này; phối hợp triển khai các giải pháp đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo thẩm quyền.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo thẩm quyền các nhiệm vụ bảo đảm điều kiện về đội ngũ nhà giáo, học liệu, cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số và các nguồn lực cần thiết cho các cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu của Đề án theo thẩm quyền, phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật.

4. Theo dõi việc triển khai thực hiện Thông tư này; tuyên truyền, phổ biến và nhân rộng các mô hình, điển hình triển khai hiệu quả.

5. Tổng hợp, thống kê kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; công khai thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc triển khai Thông tư; đề xuất cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với cơ sở giáo dục, tập thể và cá nhân có thành tích trong triển khai thực hiện Thông tư; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp hoàn thiện cơ chế, chính sách. Việc đề xuất khen thưởng không chỉ căn cứ vào mức độ triển khai thực hiện Đề án được tự công nhận mà phải căn cứ vào thành tích thực tế và quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

7. Thực hiện kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất khi cần thiết đối với việc tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý và trong phạm vi thẩm quyền được giao; trường hợp phát hiện kết quả tự đánh giá, tự công nhận không đúng thực tế hoặc không đúng quy định, yêu cầu cơ sở giáo dục thực hiện khắc phục, điều chỉnh kết quả theo quy định và xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo Biểu mẫu số 1 tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này và báo cáo đột xuất về tình hình triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn, gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Phổ thông) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 6 hằng năm. Việc tổng hợp, báo cáo được thực hiện trên cơ sở dữ liệu, thông tin đã được cập nhật, khai thác và sử dụng theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Thực hiện rà soát, cập nhật kết quả tự đánh giá hằng năm và tổ chức tự đánh giá theo quy định tại Điều 6 Thông tư này; căn cứ kết quả tự đánh giá, thực hiện xác định và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định tại Điều 7 Thông tư này; xây dựng, thực hiện nhiệm vụ, giải pháp nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

2. Quản lý, lưu trữ hồ sơ, thông tin, dữ liệu và tài liệu có liên quan phục vụ hoạt động tự đánh giá và tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; khai thác, sử dụng hồ sơ, dữ liệu hiện có của cơ sở giáo dục để phục vụ tự đánh giá, tự công nhận và nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan quản lý có thẩm quyền về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của thông tin, dữ liệu và các căn cứ sử dụng trong tự đánh giá, tự công nhận và kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án.

3. Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục trong quá trình kiểm tra; cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu có liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật; trường hợp thông tin, dữ liệu, hồ sơ, tài liệu đã được cập nhật, lưu trữ trên cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý thì không yêu cầu cơ sở giáo dục cung cấp lại; nghiêm túc thực hiện các yêu cầu khắc phục, điều chỉnh sau kiểm tra.

4. Bảo đảm điều kiện, chế độ, chính sách theo quy định đối với nhà giáo tham gia dạy song ngữ, sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy; bảo đảm kinh phí bồi dưỡng, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho nhà giáo trong trường hợp việc

bồi dưỡng là yêu cầu bắt buộc của cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật và thuộc trách nhiệm bảo đảm kinh phí của cơ sở giáo dục theo quy định.

5. Tổng hợp, lưu trữ và báo cáo kết quả triển khai thực hiện Đề án

a) Cơ sở giáo dục có trách nhiệm tổ chức tổng hợp, quản lý, lưu trữ hồ sơ, thông tin, số liệu và kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định; cập nhật thông tin, dữ liệu trên hệ thống thông tin quản lý theo quy định của cơ quan có thẩm quyền;

b) Khi hệ thống thông tin quản lý chưa đáp ứng yêu cầu, trước ngày 30 tháng 6 hằng năm, cơ sở giáo dục báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện Đề án, kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án theo Biểu mẫu số 02 Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp chưa thực hiện tự đánh giá, tự công nhận, cơ sở giáo dục phải báo cáo rõ tình trạng và tiến độ thực hiện. Việc báo cáo phải bảo đảm đầy đủ, chính xác về nội dung, đúng hình thức, thời hạn và gửi đến cơ quan quản lý giáo dục có thẩm quyền theo quy định;

c) Cơ sở giáo dục đại học gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Giáo dục Đại học); cơ sở giáo dục nghề nghiệp gửi báo cáo về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên); cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên gửi báo cáo về Sở Giáo dục và Đào tạo. Đối với cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều này.

6. Công khai kết quả tự đánh giá, mức độ triển khai thực hiện Đề án do cơ sở giáo dục tự công nhận và thông tin về các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật về công khai thông tin và trong phạm vi thông tin phải công khai. Đối với cơ sở giáo dục mầm non chưa có trang thông tin điện tử, thực hiện công khai bằng hình thức niêm yết tại cơ sở giáo dục và thông báo tại hội nghị cha mẹ trẻ em.

7. Chủ động xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực được giao và các nguồn lực hợp pháp khác nhằm duy trì, nâng cao chất lượng thực hiện Đề án.

8. Đối với các cơ sở giáo dục thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, việc tổ chức thực hiện các tiêu chuẩn, tiêu chí quy định tại Thông tư này phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đối tượng đào tạo, điều kiện tổ chức và đặc thù hoạt động quân sự, quốc phòng, an ninh; đồng thời bảo đảm tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an toàn, an ninh thông tin và các quy định liên quan của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng; việc tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án và báo cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định hoặc hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong phạm vi thẩm quyền và phù hợp với Thông tư này.

9. Trường hợp kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án không đúng thực tế hoặc không đúng quy định, cơ sở giáo dục có trách nhiệm kịp thời đánh giá lại, điều chỉnh kết quả tự công nhận, cập nhật kết quả điều chỉnh trên hệ thống thông tin quản lý và công khai theo quy định; thực hiện các biện pháp khắc phục theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, người đứng đầu các cơ sở giáo dục và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Công an;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Như Điều 15;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL, Vụ GDMN, Vụ GDPT, Cục GDNN-GDTX.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phạm Ngọc Thưởng

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34 /2026/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần I
TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC MỨC ĐỘ

Mục 1
MỨC ĐỘ 1

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ, giao tiếp nội bộ và hỗ trợ hành chính

1.1. Tiêu chí 1.1. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục hằng năm có nội dung xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục; tổ chức ít nhất 01 hoạt động ngoài trời, sự kiện, ngày hội hoặc hoạt động giao lưu phù hợp có sử dụng tiếng Anh trong năm học; các thông báo, kế hoạch, hướng dẫn liên quan đến hoạt động giáo dục có sử dụng tiếng Anh được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ phù hợp.

1.2. Tiêu chí 1.2. Truyền thông nội bộ

Tỷ lệ bảng hiệu, kênh thông tin và nội dung truyền thông của cơ sở giáo dục được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 25% đến dưới 50%.

1.3. Tiêu chí 1.3. Hỗ trợ hành chính

Tỷ lệ nội dung thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ hành chính cho trẻ em, cha mẹ trẻ em hoặc người giám hộ, giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục được cung cấp bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 25% đến dưới 50%.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục

2.1. Tiêu chí 2.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên

Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục được thể hiện bằng tiếng Việt và tiếng Anh phù hợp; tỷ lệ nội dung tích hợp tiếng Anh trong kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục và của giáo viên đạt từ 25% đến dưới 50%.

2.2. Tiêu chí 2.2. Hoạt động giáo dục

Tỷ lệ hoạt động giáo dục được tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 20% đến dưới 50% tổng số hoạt động giáo dục thuộc phạm vi thực hiện trong năm học; tỷ lệ kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục có nội dung tích hợp cho trẻ làm quen với tiếng Anh đạt từ 25% đến dưới 50%; tỷ lệ nội dung trong kế hoạch phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh được thể hiện thống nhất

với các lĩnh vực giáo dục và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ em đạt từ 25% đến dưới 50%.

3. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 3.1. Học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo

Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số và tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động giáo dục đã được thẩm định, phê duyệt hoặc cho phép sử dụng theo quy định được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 20% đến dưới 50%.

3.2. Tiêu chí 3.2. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tỷ lệ phòng học, khu vực tổ chức hoạt động giáo dục và thiết bị giáo dục được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ và các hoạt động giáo dục có liên quan đạt từ 25% đến dưới 50%.

4. Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ nhà giáo và trẻ em

4.1. Tiêu chí 4.1. Giáo viên

Cơ sở giáo dục bảo đảm số lượng giáo viên phù hợp để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ theo quy định; tỷ lệ nhà giáo tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh và trình độ chuyên môn theo quy định đạt từ 20% đến dưới 50%.

4.2. Tiêu chí 4.2. Trẻ em tham gia hoạt động giáo dục

Trẻ em được tham gia ít nhất 01 hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ trong năm học; tỷ lệ trẻ em tham gia các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt ít nhất 50% tổng số trẻ em thuộc phạm vi thực hiện.

5. Tiêu chuẩn 5. Hợp tác, giao lưu và kết nối

5.1. Tiêu chí 5.1. Hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao

Trong năm học, cơ sở giáo dục tổ chức ít nhất 01 hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao hoặc hoạt động hợp tác, giao lưu phù hợp có sử dụng tiếng Anh.

Mục 2

MỨC ĐỘ 2

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ, giao tiếp nội bộ và hỗ trợ hành chính

1.1. Tiêu chí 1.1. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Tổ chức ít nhất 02 hoạt động ngoài trời, sự kiện, ngày hội hoặc hoạt động giao lưu phù hợp có sử dụng tiếng Anh trong năm học.

1.2. Tiêu chí 1.2. Truyền thông nội bộ

Tỷ lệ bảng hiệu, kênh thông tin và nội dung truyền thông của cơ sở giáo dục được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 50% đến dưới 75%.

1.3. Tiêu chí 1.3. Hỗ trợ hành chính

Tỷ lệ nội dung thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ hành chính cho trẻ em, cha mẹ trẻ em hoặc người giám hộ, giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục được cung cấp bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 50% đến dưới 75%.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục

2.1. Tiêu chí 2.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên

Tỷ lệ nội dung tích hợp tiếng Anh trong kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục và của giáo viên đạt từ 50% đến dưới 75%.

2.2. Tiêu chí 2.2. Hoạt động giáo dục

Tỷ lệ hoạt động giáo dục được tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 50% đến dưới 75% tổng số hoạt động giáo dục thuộc phạm vi thực hiện trong năm học; tỷ lệ kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục có nội dung tích hợp cho trẻ làm quen với tiếng Anh đạt từ 50% đến dưới 75%; tỷ lệ nội dung trong kế hoạch phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh được thể hiện thống nhất với các lĩnh vực giáo dục và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ em đạt từ 50% đến dưới 75%.

3. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 3.1. Học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo

Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số và tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động giáo dục đã được thẩm định, phê duyệt hoặc cho phép sử dụng theo quy định được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 50% đến dưới 75%.

3.2. Tiêu chí 3.2. Cơ sở vật chất

Tỷ lệ phòng học, khu vực tổ chức hoạt động giáo dục và thiết bị giáo dục được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ và các hoạt động giáo dục có liên quan đạt từ 50% đến dưới 75%, trên cơ sở cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ nhà giáo và trẻ em

4.1. Tiêu chí 4.1. Giáo viên

Tỷ lệ nhà giáo thuộc phạm vi tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh và trình độ chuyên môn theo quy định đạt từ 50% đến dưới 75%.

4.2. Tiêu chí 4.2. Trẻ em tham gia hoạt động giáo dục

Trẻ em được tham gia ít nhất 01 hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ trong năm học; tỷ lệ trẻ em tham gia các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt ít nhất 60% tổng số trẻ em thuộc phạm vi thực hiện; việc tổ chức hoạt động bảo đảm tính thường xuyên, phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của trẻ em.

5. Tiêu chuẩn 5. Hợp tác, giao lưu và kết nối

5.1. Tiêu chí 5.1. Hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao

Cơ sở giáo dục tổ chức ít nhất 02 hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao hoặc hoạt động hợp tác, giao lưu phù hợp có sử dụng tiếng Anh trong năm học.

Mục 3
MỨC ĐỘ 3

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ, giao tiếp nội bộ và hỗ trợ hành chính

1.1. Tiêu chí 1.1. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Tổ chức ít nhất 03 hoạt động ngoài trời, sự kiện, ngày hội hoặc hoạt động giao lưu phù hợp có sử dụng tiếng Anh trong năm học; các hoạt động được duy trì thường xuyên, đa dạng về hình thức và được tích hợp phù hợp trong kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục.

1.2. Tiêu chí 1.2. Truyền thông nội bộ

Tỷ lệ bảng hiệu, kênh thông tin và nội dung truyền thông của cơ sở giáo dục được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 75% trở lên.

1.3. Tiêu chí 1.3. Hỗ trợ hành chính

Tỷ lệ nội dung thông tin, hướng dẫn và hỗ trợ hành chính cho trẻ em, cha mẹ trẻ em hoặc người giám hộ, giáo viên và nhân viên hỗ trợ giáo dục được cung cấp bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 75% trở lên.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình giáo dục và tổ chức hoạt động giáo dục

2.1. Tiêu chí 2.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên

Tỷ lệ nội dung tích hợp cho trẻ làm quen với tiếng Anh trong kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục và của giáo viên đạt từ 75% trở lên.

2.2. Tiêu chí 2.2. Hoạt động giáo dục

Tỷ lệ hoạt động giáo dục được tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 75% trở lên trên tổng số hoạt động giáo dục thuộc phạm vi thực hiện trong năm học; tỷ lệ kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục có nội dung tích hợp cho trẻ làm quen với tiếng Anh đạt từ 75% trở lên; tỷ lệ nội dung trong kế hoạch phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh được thể hiện thống nhất với các lĩnh vực giáo dục và mục tiêu phát triển năng lực ngôn ngữ của trẻ em đạt từ 75% trở lên.

3. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 3.1. Học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo

Tỷ lệ học liệu, tài nguyên số và tài liệu tham khảo phục vụ hoạt động giáo dục đã được thẩm định, phê duyệt hoặc cho phép sử dụng theo quy định được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt từ 75% trở lên.

3.2. Tiêu chí 3.2. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tỷ lệ phòng học, khu vực tổ chức hoạt động giáo dục và thiết bị giáo dục được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ và các hoạt động giáo dục có liên quan đạt từ 75% trở lên.

4. Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ nhà giáo và trẻ em

4.1. Tiêu chí 4.1. Giáo viên

Tỷ lệ nhà giáo thuộc phạm vi tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ làm quen với tiếng Anh hoặc song ngữ đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh và trình độ chuyên môn theo quy định đạt từ 75% trở lên.

4.2. Tiêu chí 4.2. Trẻ em tham gia hoạt động giáo dục

Trẻ em được tham gia ít nhất 02 hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ trong năm học; tỷ lệ trẻ em tham gia các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh hoặc song ngữ đạt ít nhất 70% tổng số trẻ em thuộc phạm vi thực hiện; việc tổ chức hoạt động được duy trì thường xuyên, đa dạng, phù hợp với độ tuổi và điều kiện thực tế của trẻ em.

5. Tiêu chuẩn 5. Hợp tác, giao lưu và kết nối

5.1. Tiêu chí 5.1. Hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao

Cơ sở giáo dục tổ chức ít nhất 03 hoạt động giao lưu, trao đổi văn hóa, thể thao hoặc hoạt động hợp tác, giao lưu phù hợp có sử dụng tiếng Anh trong năm học.

Phần II

HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI PHỤ LỤC I

1. Giải thích từ ngữ

Trong Phụ lục này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1.1. *Hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh* là các hoạt động giáo dục, trò chơi, sự kiện, ngày hội hoặc sinh hoạt ngoại khóa được thiết kế phù hợp với độ tuổi mầm non, nhằm tạo môi trường giao tiếp tự nhiên, giúp trẻ làm quen, tiếp xúc, trải nghiệm với tiếng Anh.

1.2. *Tổ chức hoạt động giáo dục song ngữ* là hình thức sử dụng linh hoạt, phối hợp giữa tiếng Việt và tiếng Anh.

2. Nguyên tắc xác định đối tượng, phạm vi và số liệu

2.1. Đối với tiêu chí quy định bằng tỷ lệ phần trăm (%): tử số là số đối tượng đáp ứng đầy đủ điều kiện của tiêu chí; mẫu số là tổng số đối tượng thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí trong cùng kỳ đánh giá. Đối tượng được xác định theo danh sách, hồ sơ hoặc dữ liệu quản lý có thể kiểm tra, đối chiếu; mỗi đối tượng chỉ được tính một lần trong cùng một phép tính. Cơ sở giáo dục mầm non phải lưu giữ căn cứ xác định tử số, mẫu số và kết quả tính tỷ lệ.

2.2. Đối với tiêu chí tính theo số lượng nhà giáo, trẻ em, phòng học, học liệu hoặc hoạt động: cơ sở giáo dục mầm non phải xác định rõ danh sách đối tượng

thuộc phạm vi tiêu chí và thời điểm chốt số liệu; không tính trùng một đối tượng trong cùng một phép tính. Việc xác định kỳ đánh giá và thời điểm chốt số liệu phải thống nhất với quy định tại Thông tư này.

3. Về xác định mức độ

3.1. Mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục mầm non là mức độ cao nhất mà cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đối với các tiêu chí áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

3.2. Việc tự đánh giá, xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn cơ sở giáo dục mầm non và thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí.

3.3. Đối với các tiêu chí quy định bằng số lượng, tỷ lệ, tần suất hoặc thời lượng, việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện theo đúng các nguyên tắc quy định tại Mục 2 Phần này.

3.4. Việc xác định và áp dụng các tiêu chí về cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu, tài nguyên số và không gian tiếng Anh phải căn cứ điều kiện thực tế, chức năng, nhiệm vụ, quy mô và khả năng nguồn lực hợp pháp của cơ sở giáo dục mầm non, đồng thời tuân thủ đúng các quy định về thẩm định, phê duyệt học liệu giáo dục mầm non hiện hành.

3.5. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án phải căn cứ vào điều kiện thực tế, quy mô, loại hình và đặc điểm hoạt động của cơ sở giáo dục; xây dựng lộ trình nâng cao mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng miền, phát huy tối đa nguồn lực hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Phụ lục II

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34 /2026/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần I

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC MỨC ĐỘ

Mục 1

MỨC ĐỘ 1

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông

1.1. Tiêu chí 1.1. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Cơ sở giáo dục có kế hoạch xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh hằng năm, các hoạt động giáo dục cụ thể được thể hiện trong kế hoạch giáo dục của nhà trường; có bảng tin nội bộ, trong đó có góc thông tin bằng tiếng Anh được cập nhật hằng tuần; có câu lạc bộ tiếng Anh của học sinh hoạt động thường xuyên theo chủ đề ít nhất 01 lần/tháng; có các hoạt động sử dụng tiếng Anh lồng ghép vào hoạt động tập thể, hoạt động trong giờ ra chơi ít nhất 01 lần/tuần; có ít nhất 01 không gian tiếng Anh được bố trí trong nhà trường để giáo viên và học sinh định kỳ có các hoạt động giao tiếp, sử dụng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực hợp pháp.

1.2. Tiêu chí 1.2. Hệ thống biển bảng và áp phích truyền thông

Hệ thống các biển hiệu trong cơ sở giáo dục, biển của các phòng học, phòng học bộ môn và phòng chức năng, các áp phích truyền thông của nhà trường được viết cả bằng tiếng Việt và tiếng Anh; cổng thông tin điện tử (website) của nhà trường có phần nội dung bằng tiếng Việt và tiếng Anh được cập nhật hằng tháng phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

2. Tiêu chuẩn 2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường và hoạt động dạy học

2.1. Tiêu chí 2.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Cơ sở giáo dục có ít nhất 05 lớp đối với cấp tiểu học nếu có cấp tiểu học; 04 lớp đối với cấp trung học cơ sở nếu có cấp trung học cơ sở; 03 lớp đối với cấp trung học phổ thông nếu có cấp trung học phổ thông tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai.

2.2. Tiêu chí 2.2. Kế hoạch bài dạy của giáo viên

Kế hoạch bài dạy của giáo viên tham gia dạy học nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh bước đầu được soạn bằng tiếng Anh ở một số nội dung (từ khóa, câu lệnh, mục tiêu bài dạy, nội dung dạy học, một số hoạt động); giáo viên tham gia dạy học nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh khi triển khai kế hoạch bài dạy có

các công cụ đánh giá hoặc yêu cầu về sản phẩm học tập có sử dụng tiếng Anh (dự án, thuyết trình, nội dung sản phẩm); giáo viên tham gia dạy học nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh có nội dung sinh hoạt chuyên môn bước đầu sử dụng tiếng Anh (hoặc phối hợp với giáo viên tiếng Anh tổ chức) định kỳ 01 lần/tháng.

3. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, tài liệu và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 3.1. Học liệu, tài liệu

Thư viện của cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và có các phương tiện nghe nhìn để giáo viên, học sinh tiếp cận với các nguồn học liệu, phim ảnh bằng tiếng Anh; cơ sở giáo dục có các đầu sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh (kể cả dưới dạng bản được số hóa hoặc tài liệu dưới dạng điện tử) hoặc có cả tiếng Việt và tiếng Anh đạt tỷ lệ tối thiểu 5% tổng số đầu sách, tài liệu tham khảo hiện có phù hợp với cấp học, nhu cầu sử dụng và điều kiện thực tế của nhà trường; việc xác định tỷ lệ được thực hiện trên cơ sở học liệu hiện có và các nguồn học liệu hợp pháp để có thể khai thác, sử dụng.

3.2. Tiêu chí 3.2. Cơ sở vật chất

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học của cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có phòng học ngoại ngữ và các học liệu dạy học tiếng Anh theo quy định; khu không gian tiếng Anh có trang bị phương tiện nghe nhìn, kết nối với các học liệu số bằng tiếng Anh để khai thác sử dụng. Trong khu không gian tiếng Anh: có ít nhất một tạp chí hoặc tờ báo bổ sung theo định kỳ xuất bản tại Việt Nam với ít nhất một phần nội dung bằng tiếng Anh phù hợp cho mục tiêu giáo dục.

4. Tiêu chuẩn 4. Chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

4.1. Tiêu chí 4.1. Chuyển đổi số

Cơ sở giáo dục có các hoạt động sư phạm ứng dụng phần mềm hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh hoặc các môn học, hoạt động giáo dục khác bằng tiếng Anh; có học liệu, tài nguyên số, tài liệu tham khảo có bản quyền hoặc nguồn mở hợp pháp phục vụ dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh được đưa vào danh mục sử dụng chính thức; có các công cụ để thực hiện được hoạt động đánh giá năng lực tiếng Anh trực tuyến mà giáo viên và học sinh có thể khai thác trong quá trình dạy và học phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu dạy học.

4.2. Tiêu chí 4.2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Nhà trường có kế hoạch tổ chức triển khai ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho học sinh trong dạy và học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh; có các hoạt động cụ thể ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ các hoạt động dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh cho giáo viên và học sinh.

5. Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh

5.1. Tiêu chí 5.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Có ít nhất một lãnh đạo của nhà trường có năng lực sử dụng tiếng Anh để làm việc trực tiếp với người nước ngoài; có đủ đội ngũ giáo viên tiếng Anh với số lượng và năng lực ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; giáo viên tham gia dạy học nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục

bằng tiếng Anh có năng lực sử dụng tiếng Anh để làm việc trực tiếp với người nước ngoài phù hợp với nhiệm vụ được giao.

5.2. Tiêu chí 5.2. Học sinh

Có ít nhất 50% học sinh của các lớp tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai thuộc khối lớp kết thúc cấp học, gần nhất với thời điểm xét công nhận, đạt năng lực tiếng Anh cao hơn 1 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký nhà trường chưa có lớp nào tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai kết thúc cấp học thì tiêu chí này được thay thế bằng tiêu chí: kết thúc năm học gần nhất có ít nhất 20% học sinh của nhà trường đạt năng lực tiếng Anh cao hơn 1 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác quốc tế và hợp tác tổ chức hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

6.1. Tiêu chí 6.1. Thỏa thuận hợp tác và kế hoạch thực hiện

Cơ sở giáo dục có thỏa thuận hợp tác giao lưu, trao đổi về dạy học, văn hóa, thể thao với đối tác ở nước ngoài hoặc đại diện tại Việt Nam, hoặc cơ sở giáo dục có học sinh nước ngoài đang học bằng tiếng Anh ở Việt Nam hoặc một trường học khác ở trong nước để phối hợp tổ chức hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh; trong mỗi năm học, cơ sở giáo dục có kế hoạch triển khai thỏa thuận hợp tác để tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi về dạy học, văn hóa, thể thao đối với một đối tác ở nước ngoài hoặc đại diện tại Việt Nam, hoặc một cơ sở giáo dục có học sinh nước ngoài đang học bằng tiếng Anh ở Việt Nam, hoặc phối hợp với một trường học khác ở trong nước tổ chức một hoạt động sử dụng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực hợp pháp của nhà trường.

6.2. Tiêu chí 6.2. Hoạt động hợp tác quốc tế và hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

Cơ sở giáo dục tổ chức ít nhất 01 hoạt động/năm học sử dụng tiếng Anh (trực tiếp hoặc trực tuyến) như sân chơi, câu lạc bộ, giao lưu hay các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với đối tác nước ngoài hoặc cơ quan đại diện của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, hoặc một trường học khác ở trong nước; tham gia ít nhất 01 hoạt động/năm học sử dụng tiếng Anh (trực tiếp hoặc trực tuyến) như sân chơi, câu lạc bộ, giao lưu hay các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với đối tác nước ngoài hoặc cơ quan đại diện của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, hoặc một trường học khác ở trong nước phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực hợp pháp của nhà trường.

Mục 2
MỨC ĐỘ 2

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông

1.1. Tiêu chí 1.1. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Có câu lạc bộ tiếng Anh của học sinh hoạt động thường xuyên theo chủ đề ít nhất 02 lần/tháng; có các hoạt động sử dụng tiếng Anh lồng ghép vào hoạt động

tập thể của nhà trường, hoạt động trong giờ ra chơi ít nhất 01 lần/tuần; tại khu không gian tiếng Anh có các hoạt động sử dụng tiếng Anh thường xuyên hằng tuần theo lịch phù hợp với điều kiện thực tế và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

2. Tiêu chuẩn 2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường và hoạt động dạy học

2.1. Tiêu chí 2.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Cơ sở giáo dục có ít nhất 50% số lớp nếu có một cấp học hoặc 50% số lớp đối với mỗi cấp học nếu có các cấp học khác nhau, tổ chức triển khai dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai, trong đó việc triển khai dạy học nội dung hoặc một số nội dung của ít nhất ba môn học hoặc hoạt động giáo dục (ngoài môn tiếng Anh) bằng tiếng Anh với tổng thời lượng tối thiểu đạt 105 tiết/năm học (03 tiết/tuần); tổ chức được ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn hoặc hội nghị/01 năm học về các bài học kinh nghiệm/mô hình thành công để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học để trao đổi, học hỏi, tham khảo với một trường học khác phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai thực hiện Đề án.

2.2. Tiêu chí 2.2. Kế hoạch bài dạy của giáo viên

Kế hoạch bài dạy của giáo viên tham gia dạy học nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh được soạn bằng tiếng Anh; giáo viên tham gia dạy học nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh có nội dung sinh hoạt chuyên môn bước đầu sử dụng tiếng Anh (hoặc phối hợp với giáo viên tiếng Anh tổ chức) định kỳ 02 lần/01 tháng, phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Tiêu chuẩn 3. Học liệu, tài liệu và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 3.1. Học liệu, tài liệu

Cơ sở giáo dục có các đầu sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh (kể cả dưới dạng bản được số hóa hoặc tài liệu dưới dạng điện tử) hoặc có cả tiếng Việt và tiếng Anh (song ngữ) đạt tỷ lệ tối thiểu 10% tổng số đầu sách, tài liệu tham khảo hiện có phù hợp với cấp học, nhu cầu sử dụng và điều kiện thực tế.

3.2. Tiêu chí 3.2. Cơ sở vật chất

Khu không gian tiếng Anh: có ít nhất 02 tạp chí hoặc tờ báo bổ sung theo định kỳ xuất bản tại Việt Nam với ít nhất một phần nội dung bằng tiếng Anh phù hợp cho mục tiêu giáo dục. Riêng đối với trường phổ thông có cấp THPT: có ít nhất một tạp chí hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phép lưu hành, được bổ sung theo định kỳ xuất bản.

4. Tiêu chuẩn 4. Chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

4.1. Tiêu chí 4.1. Chuyển đổi số

Duy trì các yêu cầu quy định tại Tiêu chí 4.1 của Mức độ 1 và mở rộng việc khai thác, ứng dụng các nền tảng công nghệ.

4.2. Tiêu chí 4.2. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Duy trì, phát triển việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) tại Tiêu chí 4.2 của Mức độ 1; bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu dạy học và giáo dục theo hướng nâng cao hiệu quả dạy học; AI được sử dụng như công cụ hỗ trợ.

5. Tiêu chuẩn 5. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh

5.1. Tiêu chí 5.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Giáo viên tham gia dạy nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh có năng lực ngoại ngữ theo quy định; thiết kế được ít nhất 10% (1 điểm/10 điểm) nội dung trong bài kiểm tra định kỳ bằng tiếng Anh đối với môn học có nội dung dạy bằng tiếng Anh yêu cầu có bài kiểm tra định kỳ phù hợp với nội dung dạy học và điều kiện thực tế của nhà trường.

5.2. Tiêu chí 5.2. Học sinh

Có ít nhất 60% học sinh của các lớp tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của khối lớp kết thúc cấp học, gần nhất với thời điểm xét công nhận, đạt trình độ năng lực tiếng Anh cao hơn 1 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký chưa có lớp nào tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai kết thúc cấp học thì tiêu chí này được thay thế bằng tiêu chí: kết thúc năm học gần nhất có ít nhất 30% học sinh của nhà trường đạt trình độ năng lực tiếng Anh cao hơn 1 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác quốc tế và hợp tác tổ chức hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

6.1. Tiêu chí 6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

Cơ sở giáo dục tổ chức ít nhất 02 hoạt động/năm học sử dụng tiếng Anh (trực tiếp hoặc trực tuyến) như sân chơi, câu lạc bộ, giao lưu hay các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với đối tác nước ngoài hoặc cơ quan đại diện của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, hoặc một trường học khác trong nước; tham gia ít nhất 02 hoạt động/năm học sử dụng tiếng Anh (trực tiếp hoặc trực tuyến) như sân chơi, câu lạc bộ, giao lưu hay các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với đối tác nước ngoài hoặc cơ quan đại diện của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, hoặc một trường học khác trong nước phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực hợp pháp.

Mục 3

MỨC ĐỘ 3

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông

1.1. Tiêu chí 1.1. Xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh

Có bảng tin nội bộ, trong đó có góc thông tin bằng tiếng Anh được cập nhật thường xuyên cùng với các nội dung cập nhật bằng tiếng Việt; có câu lạc bộ tiếng Anh của học sinh hoạt động thường xuyên theo chủ đề hằng tuần trong năm học; có các hoạt động sử dụng tiếng Anh lồng ghép vào hoạt động tập thể, hoạt động trong giờ ra chơi; có không gian tiếng Anh được bố trí thuận lợi, dễ tiếp cận. Tại khu không gian tiếng Anh có các hoạt động sử dụng tiếng Anh thường xuyên hằng ngày theo lịch phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm hiệu quả sử dụng.

1.2. Tiêu chí 1.2. Hệ thống biển bảng, áp phích và cổng thông tin điện tử

Cổng thông tin điện tử (website) của nhà trường có phần nội dung bằng tiếng Anh được cập nhật thường xuyên cùng bản tiếng Việt.

2. Tiêu chuẩn 2: Kế hoạch giáo dục của nhà trường và hoạt động dạy học

2.1. Tiêu chí 2.1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Cơ sở giáo dục có ít nhất 70% số lớp đối với cấp tiểu học nếu nhà trường có cấp tiểu học; ít nhất 80% số lớp đối với cấp trung học cơ sở nếu nhà trường có cấp trung học cơ sở; ít nhất 90% số lớp đối với cấp trung học phổ thông nếu có cấp trung học phổ thông tổ chức triển khai dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường, trong đó việc triển khai dạy học nội dung hoặc một số nội dung của ít nhất ba môn học hoặc hoạt động giáo dục (ngoài môn tiếng Anh) bằng tiếng Anh với tổng thời lượng tối thiểu đạt 105 tiết/năm học (03 tiết/tuần); tổ chức được ít nhất 02 chuyên đề chuyên môn hoặc hội nghị/01 năm học về các bài học kinh nghiệm/mô hình thành công để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học để trao đổi, học hỏi, tham khảo với trường học khác ở trong nước phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai thực hiện Đề án của nhà trường.

3. Tiêu chuẩn 3: Học liệu, tài liệu và cơ sở vật chất

3.1. Tiêu chí 3.1. Học liệu, tài liệu

Cơ sở giáo dục có các đầu sách, tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh (kể cả dưới dạng bản được số hóa hoặc tài liệu dưới dạng điện tử) hoặc có cả tiếng Việt và tiếng Anh đạt tỷ lệ tối thiểu 15% tổng số đầu sách, tài liệu tham khảo hiện có phù hợp với cấp học, nhu cầu sử dụng và điều kiện thực tế.

3.2. Tiêu chí 3.2. Cơ sở vật chất

Khu không gian tiếng Anh đối với trường phổ thông có cấp trung học phổ thông: có ít nhất hai tạp chí hoặc tờ báo bằng tiếng Anh được phép lưu hành, bổ sung theo định kỳ xuất bản.

4. Tiêu chuẩn 4: Chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

Thực hiện các yêu cầu quy định tại Tiêu chuẩn 4 của Mức độ 1 và duy trì, phát triển việc ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI) ở mức độ phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu dạy học và giáo dục của cơ sở giáo dục.

5. Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh

5.1. Tiêu chí 5.1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên

Có ít nhất hai lãnh đạo nhà trường có năng lực sử dụng tiếng Anh để làm việc trực tiếp với người nước ngoài bằng tiếng Anh; giáo viên tham gia dạy nội dung hoặc một số nội dung môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh có năng lực ngoại ngữ theo quy định; thiết kế được ít nhất 50% (5 điểm/10 điểm) nội dung trong bài kiểm tra định kỳ bằng tiếng Anh đối với môn học có nội dung dạy bằng tiếng Anh yêu cầu có bài kiểm tra định kỳ.

5.2. Tiêu chí 5.2. Học sinh

Có ít nhất 90% học sinh của các lớp tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của khối lớp kết thúc cấp học, gần nhất với thời điểm xét công nhận,

đạt trình độ năng lực ngoại ngữ cao hơn 1 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

Trường hợp tại thời điểm đăng ký, chưa có lớp nào kết thúc cấp học thì tiêu chí này được thay thế bằng tiêu chí: kết thúc năm học gần nhất có ít nhất 50% học sinh của nhà trường đạt trình độ năng lực ngoại ngữ cao hơn 1 bậc theo Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

6. Tiêu chuẩn 6: Hợp tác quốc tế và hợp tác tổ chức hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

6.1. Tiêu chí 6.1. Hoạt động hợp tác quốc tế và hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

Cơ sở giáo dục tổ chức ít nhất 03 hoạt động/năm học sử dụng tiếng Anh (trực tiếp hoặc trực tuyến) như sân chơi, câu lạc bộ, giao lưu hay các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với đối tác nước ngoài hoặc cơ quan đại diện của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, hoặc một trường học khác trong nước; tham gia ít nhất 03 hoạt động/năm học sử dụng tiếng Anh (trực tiếp hoặc trực tuyến) như sân chơi, câu lạc bộ, giao lưu hay các hoạt động giáo dục khác cho học sinh với đối tác nước ngoài hoặc cơ quan đại diện của đối tác nước ngoài tại Việt Nam, hoặc một trường học khác trong nước phù hợp với điều kiện thực tế và nguồn lực hợp pháp.

Phần II

HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI PHỤ LỤC II

1. Giải thích từ ngữ

Trong Phụ lục II này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1.1. *Một lớp học trong cơ sở giáo dục phổ thông được gọi là tổ chức dạy học tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai* nếu trong kế hoạch tổ chức dạy và học của lớp đó (thời khóa biểu) thể hiện việc triển khai dạy học nội dung hoặc một số nội dung của ít nhất một môn học/hoạt động giáo dục (ngoài môn tiếng Anh) bằng tiếng Anh với tổng thời lượng tối thiểu đạt 35 tiết/năm học (01 tiết/tuần).

1.2. *Không gian tiếng Anh (English zone)* là khu vực được bố trí riêng hoặc tích hợp trong thư viện, phòng đa năng, hành lang hoặc khu vực phù hợp khác, có học liệu và phương tiện phù hợp để giáo viên, học sinh sử dụng tiếng Anh trao đổi, giao tiếp hoặc tổ chức các hoạt động bằng tiếng Anh, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

2. Nguyên tắc xác định đối tượng, phạm vi và số liệu

2.1. Đối với tiêu chí quy định bằng tỷ lệ phần trăm, tử số là số đối tượng đáp ứng đầy đủ điều kiện của tiêu chí; mẫu số là tổng số đối tượng thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí trong cùng kỳ đánh giá. Đối tượng được xác định theo danh sách, hồ sơ hoặc dữ liệu quản lý có thể kiểm tra; mỗi đối tượng chỉ được tính một lần trong cùng một phép tính. Cơ sở giáo dục phổ thông phải lưu giữ căn cứ xác định tử số, mẫu số và kết quả tính tỷ lệ.

2.2. Đối với tiêu chí tính theo số lớp, số chương trình, giáo viên, cán bộ quản lý, học sinh, phòng học, môn học, hoạt động hoặc học liệu, cơ sở giáo dục phải xác định rõ danh sách đối tượng thuộc phạm vi tiêu chí và thời điểm chốt số liệu;

không tính trùng một đối tượng trong cùng một phép tính. Việc xác định kỳ đánh giá và thời điểm chốt số liệu phải thống nhất với quy định tại Thông tư này.

2.3. Đối với tiêu chí định lượng có quy định ngưỡng tối thiểu theo từng mức độ, kết quả đạt ngưỡng của mức độ cao hơn được coi là đáp ứng ngưỡng định lượng của các mức độ thấp hơn đối với cùng tiêu chí. Việc xác định mức độ chung vẫn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Về xác định mức độ

3.1. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư này và trên cơ sở kết quả đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí, yêu cầu tương ứng quy định tại Phụ lục này. Cơ sở giáo dục căn cứ kết quả triển khai thực tế, đối chiếu với yêu cầu của từng tiêu chuẩn, tiêu chí để xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

3.2. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện trên cơ sở thông tin, dữ liệu, hồ sơ quản lý và kết quả hoạt động thực tế của cơ sở giáo dục, bảo đảm phản ánh đúng thực chất mức độ triển khai thực hiện Đề án, phù hợp với điều kiện thực tế và lộ trình triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục.

3.3. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí tại Phụ lục này phải phù hợp với điều kiện thực tế, quy mô, cấp học, lộ trình triển khai thực hiện Đề án và nguồn lực hợp pháp của cơ sở giáo dục.

3.4. Đối với các tiêu chí có quy định về nền tảng số, công cụ công nghệ, trí tuệ nhân tạo, học liệu, báo, tạp chí hoặc hình thức tổ chức hoạt động, cơ sở giáo dục được lựa chọn phương thức phù hợp với điều kiện thực tế để đạt mục tiêu của tiêu chí; không yêu cầu sử dụng một nền tảng, phần mềm, công nghệ hoặc hình thức cụ thể nếu pháp luật không có quy định bắt buộc.

3.5. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) được thực hiện theo hướng là công cụ hỗ trợ hoạt động dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh, phù hợp với điều kiện thực tế, nhu cầu dạy học và khả năng của nhà trường; việc lựa chọn hệ thống, nền tảng hoặc hình thức ứng dụng AI do nhà trường quyết định trên cơ sở phù hợp với mục tiêu giáo dục, điều kiện thực tế và quy định pháp luật có liên quan.

3.6. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án phải căn cứ vào điều kiện thực tế, quy mô, loại hình và đặc điểm hoạt động của cơ sở giáo dục; xây dựng lộ trình nâng cao mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng miền, phát huy tối đa nguồn lực hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Phụ lục III

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 94 /2026/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần I

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC MỨC ĐỘ

Mục 1

MỨC ĐỘ 1

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường và truyền thông sử dụng tiếng Anh

1.1. Tiêu chí 1.1. Cơ sở giáo dục có kế hoạch triển khai thực hiện Đề án hằng năm, xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và trách nhiệm thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế.

1.2. Tiêu chí 1.2. Cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động tạo môi trường sử dụng tiếng Anh ở mức cơ bản; có góc tiếng Anh hoặc hình thức tương đương và tổ chức ít nhất 01 hoạt động "Ngày tiếng Anh" hoặc hoạt động tương đương trong mỗi học kỳ.

1.3. Tiêu chí 1.3. Cơ sở giáo dục có biển, bảng hoặc hình thức chỉ dẫn song ngữ phù hợp; sử dụng ít nhất 03 biểu mẫu hành chính song ngữ phù hợp với hoạt động của cơ sở giáo dục.

1.4. Tiêu chí 1.4. Tỷ lệ nội dung song ngữ trên biển, bảng, trang thông tin điện tử và thông tin hành chính công khai đạt ít nhất 15% trong phạm vi hoạt động chuyên môn và truyền thông phù hợp.

1.5. Tiêu chí 1.5. Cơ sở giáo dục tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh hoặc hình thức tương đương ít nhất 01 lần/tháng; tỷ lệ người học tham gia có hoạt động tương tác bằng tiếng Anh đạt ít nhất 20% trong phạm vi người học thuộc hoạt động.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình, nội dung và hoạt động dạy học, giáo dục

2.1. Tiêu chí 2.1. Đối với chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: cơ sở giáo dục có lộ trình tổ chức dạy học môn tiếng Anh theo chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, bảo đảm yêu cầu cần đạt của từng lớp, cấp học; tổ chức khảo sát, phân loại trình độ đầu vào ít nhất 01 lần trong năm học và có kế hoạch phụ đạo, bồi dưỡng đối với người học chưa đạt yêu cầu cần đạt của lớp dưới, có hồ sơ theo dõi.

2.2. Tiêu chí 2.2. Đối với cơ sở giáo dục có tổ chức dạy các môn văn hóa thuộc chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: áp dụng linh hoạt kỹ thuật lồng ghép vi mô thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành vào kế hoạch bài dạy của các môn học khác như Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Tin học với thời lượng phù hợp, ưu tiên từ 03 đến 05 phút trong một tiết học; hoặc tổ chức dạy học trên lớp ít nhất 01 tiết học/tuần có sử dụng tiếng Anh, phù hợp

với năng lực của nhà giáo và điều kiện thực tế của Trung tâm. Nội dung lồng ghép phải được thể hiện trong kế hoạch bài dạy làm căn cứ kiểm tra, đối chiếu.

2.3. Tiêu chí 2.3. Đối với hoạt động giáo dục nghề nghiệp tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên: mỗi mô đun hoặc môn học nghề có danh mục thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành, tối thiểu 30 thuật ngữ/mô đun hoặc môn học được tích hợp vào bài giảng, tài liệu thực hành và cập nhật hằng năm.

2.4. Tiêu chí 2.4. Cơ sở giáo dục tổ chức sinh hoạt chuyên môn giữa nhà giáo tiếng Anh và nhà giáo dạy các môn học khác có sử dụng tiếng Anh ít nhất 01 lần trong mỗi học kỳ để thống nhất nội dung lồng ghép thuật ngữ song ngữ.

2.5. Tiêu chí 2.5. Cơ sở giáo dục có quy trình hoặc hướng dẫn đánh giá việc sử dụng tiếng Anh trong học tập; thực hiện tự đánh giá của người học trên hệ thống quản lý học tập (LMS) hoặc nền tảng số phù hợp.

2.6. Tiêu chí 2.6. Có ít nhất 01 mô-đun hoặc chủ đề học tập có sử dụng tiếng Anh phù hợp với chương trình và đối tượng người học.

2.7. Tiêu chí 2.7. Có ít nhất 15% số bài học thuộc các môn học được lựa chọn có nội dung văn hóa hoặc nội dung phù hợp thực hiện tích hợp tiếng Anh ở mức độ vi mô hoặc theo phương pháp CLIL.

2.8. Tiêu chí 2.8. Có nội dung sử dụng thuật ngữ, tài liệu tiếng Anh theo mô hình VESL trong ít nhất 01 nhóm nghề hoặc lĩnh vực đào tạo phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở giáo dục.

2.9. Tiêu chí 2.9. Có ít nhất 01 sáng kiến, nghiên cứu ứng dụng hoặc hoạt động đổi mới trong dạy học, giáo dục có sử dụng công nghệ hoặc trí tuệ nhân tạo, được công nhận hoặc đưa vào áp dụng phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

2.10. Tiêu chí 2.10. Có ít nhất 01 dự án hoặc sản phẩm học tập đổi mới của người học có sử dụng tiếng Anh.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ và người học

3.1. Tiêu chí 3.1. Cơ sở giáo dục khảo sát năng lực ngoại ngữ và năng lực số của đội ngũ; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng phù hợp.

3.2. Tiêu chí 3.2. Hằng năm tổ chức hoặc cử tham gia bồi dưỡng tiếng Anh đối với giáo viên tiếng Anh và bồi dưỡng sử dụng tiếng Anh trong dạy học, giáo dục đối với nhà giáo khác có sử dụng tiếng Anh trong phạm vi nhu cầu, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

3.3. Tiêu chí 3.3. Cơ sở giáo dục xác định yêu cầu về năng lực ngoại ngữ đối với nhà giáo không chuyên tiếng Anh có sử dụng tiếng Anh trong dạy học, giáo dục phù hợp với nhiệm vụ được giao và chương trình, nội dung thực tế.

3.4. Tiêu chí 3.4. Có ít nhất 60% cán bộ quản lý của cơ sở giáo dục hoàn thành chương trình hoặc hoạt động bồi dưỡng phù hợp về triển khai Đề án.

3.5. Tiêu chí 3.5. Có ít nhất 15% tổng số nhà giáo không chuyên tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định của cơ sở giáo dục.

3.6. Tiêu chí 3.6. Có ít nhất 30% người học thuộc nhóm được đánh giá đạt yêu cầu đầu ra về tiếng Anh theo mục tiêu, chương trình hoặc chuẩn được áp dụng.

3.7. Tiêu chí 3.7. Có ít nhất 30% người học hoàn thành ít nhất 01 nhiệm vụ sử dụng tiếng Anh trong ít nhất 01 bối cảnh học tập hoặc hoạt động phù hợp.

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu

4.1. Tiêu chí 4.1. Cơ sở giáo dục có phòng học, địa điểm và thiết bị cơ bản phục vụ các hoạt động dạy học, giáo dục có sử dụng tiếng Anh.

4.2. Tiêu chí 4.2. Có học liệu song ngữ hoặc học liệu tiếng Anh phù hợp với chương trình, nội dung và đối tượng người học.

4.3. Tiêu chí 4.3. Có ít nhất 25% số phòng học hoặc địa điểm tổ chức hoạt động đào tạo, giáo dục được trang bị thiết bị nghe nhìn phù hợp.

4.4. Tiêu chí 4.4. Có ít nhất 20 đầu sách, tài liệu song ngữ hoặc tiếng Anh/100 người học, phù hợp với điều kiện và quy mô của cơ sở giáo dục.

4.5. Tiêu chí 4.5. Có ít nhất 30% người học thường xuyên sử dụng học liệu phục vụ học tập bằng tiếng Anh, bao gồm học liệu in và học liệu điện tử trên nền tảng số phù hợp.

5. Tiêu chuẩn 5. Chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

5.1. Tiêu chí 5.1. Cơ sở giáo dục sử dụng LMS hoặc nền tảng số phù hợp phục vụ một phần hoạt động dạy học, giáo dục và học tập bằng tiếng Anh.

5.2. Tiêu chí 5.2. Có kho học liệu số phục vụ dạy học, giáo dục và học tập bằng tiếng Anh.

5.3. Tiêu chí 5.3. Nhà giáo được bồi dưỡng về năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp trong dạy học, giáo dục, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

5.4. Tiêu chí 5.4. Khi nền tảng số có chức năng phù hợp, cơ sở giáo dục khai thác dữ liệu về quá trình học tập để phục vụ theo dõi, hỗ trợ người học và cải tiến hoạt động.

5.5. Tiêu chí 5.5. Có ít nhất 15% tổng số người học thường xuyên truy cập nền tảng số hoặc LMS bằng tài khoản cá nhân để phục vụ học tập.

5.6. Tiêu chí 5.6. Có ít nhất 30% nhà giáo đạt yêu cầu cơ bản về năng lực số, sử dụng trí tuệ nhân tạo phù hợp để hỗ trợ phân hóa hoạt động dạy học và hướng dẫn người học sử dụng ít nhất 01 công cụ trí tuệ nhân tạo phù hợp.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác, hội nhập và huy động nguồn lực

6.1. Tiêu chí 6.1. Cơ sở giáo dục có kế hoạch hoặc tổ chức ít nhất 01 hoạt động giao lưu, trao đổi trực tuyến bằng tiếng Anh với đối tác nước ngoài phù hợp.

6.2. Tiêu chí 6.2. Có hoạt động phối hợp với tổ chức, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, trung tâm ngoại ngữ hoặc đối tác phù hợp để hỗ trợ triển khai Đề án.

6.3. Tiêu chí 6.3. Có hoạt động kết nối, huy động nguồn lực xã hội để hỗ trợ người học có hoàn cảnh khó khăn trong học tập và sử dụng tiếng Anh.

6.4. Tiêu chí 6.4. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn lực xã hội hóa, tài sản công phục vụ triển khai Đề án được thực hiện theo quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch.

6.5. Tiêu chí 6.5. Có ít nhất 01 thỏa thuận, biên bản ghi nhớ hợp tác với đối tác quốc tế hoặc tổ chức ít nhất 01 hoạt động giao lưu, trao đổi trực tuyến bằng tiếng Anh.

6.6. Tiêu chí 6.6. Huy động được ít nhất 01 loại nguồn lực phù hợp để hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án.

Mục 2

MỨC ĐỘ 2

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường và truyền thông sử dụng tiếng Anh

1.1. Tiêu chí 1.1. Tỷ lệ nội dung song ngữ trên biển, bảng, trang thông tin điện tử và thông tin hành chính công khai đạt ít nhất 35% trong phạm vi hoạt động chuyên môn và truyền thông phù hợp.

1.2. Tiêu chí 1.2. Câu lạc bộ tiếng Anh hoặc hình thức tương đương được tổ chức ít nhất 02 lần/tháng; tỷ lệ người học tham gia có hoạt động tương tác bằng tiếng Anh đạt ít nhất 40% trong phạm vi người học thuộc hoạt động.

1.3. Tiêu chí 1.3. Trang thông tin điện tử hoặc chuyên mục tiếng Anh của cơ sở giáo dục được cập nhật ít nhất hằng tháng.

1.4. Tiêu chí 1.4. Cơ sở giáo dục sử dụng ít nhất 05 biểu mẫu hành chính song ngữ phù hợp với hoạt động của cơ sở giáo dục.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình, nội dung và hoạt động dạy học, giáo dục

2.1. Tiêu chí 2.1. Có ít nhất 02 mô-đun hoặc chủ đề học tập có sử dụng tiếng Anh phù hợp với chương trình và đối tượng người học.

2.2. Tiêu chí 2.2. Có ít nhất 35% số bài học thuộc các môn học được lựa chọn có nội dung văn hóa hoặc nội dung phù hợp thực hiện tích hợp tiếng Anh ở mức độ vi mô hoặc theo phương pháp CLIL.

2.3. Tiêu chí 2.3. Có nội dung sử dụng thuật ngữ, tài liệu tiếng Anh theo mô hình VESL trong ít nhất 02 nhóm nghề hoặc lĩnh vực đào tạo phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở giáo dục.

2.4. Tiêu chí 2.4. Có ít nhất 02 sáng kiến, nghiên cứu ứng dụng hoặc hoạt động đổi mới được công nhận hoặc áp dụng; trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chia sẻ hoặc áp dụng trong nhóm chuyên môn phù hợp.

2.5. Tiêu chí 2.5. Có ít nhất 02 dự án hoặc sản phẩm học tập đổi mới của người học có sử dụng tiếng Anh; trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chia sẻ hoặc sử dụng trong hoạt động giáo dục phù hợp với chương trình và hoạt động giáo dục thực tế.

2.6. Tiêu chí 2.6. Tổ chuyên môn hoặc nhóm chuyên môn tổ chức ít nhất 04 hoạt động chuyên môn/năm liên quan đến sử dụng tiếng Anh; có ít nhất 02 sản phẩm được áp dụng trong thực tế.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ và người học

3.1. Tiêu chí 3.1. Có ít nhất 80% cán bộ quản lý hoàn thành chương trình hoặc hoạt động bồi dưỡng phù hợp về triển khai Đề án.

3.2. Tiêu chí 3.2. Có ít nhất 30% tổng số nhà giáo không chuyên tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định của cơ sở giáo dục.

3.3. Tiêu chí 3.3. Duy trì hoạt động bồi dưỡng hằng năm đối với nhà giáo về năng lực tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh trong dạy học, giáo dục và ứng dụng công nghệ phù hợp.

3.4. Tiêu chí 3.4. Có ít nhất 50% người học thuộc nhóm được đánh giá đạt yêu cầu đầu ra về tiếng Anh theo mục tiêu, chương trình hoặc chuẩn được áp dụng.

3.5. Tiêu chí 3.5. Có ít nhất 50% người học hoàn thành ít nhất 02 nhiệm vụ sử dụng tiếng Anh trong 02 bối cảnh học tập hoặc hoạt động phù hợp.

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu

4.1. Tiêu chí 4.1. Có ít nhất 50% số phòng học hoặc địa điểm tổ chức hoạt động đào tạo, giáo dục được trang bị thiết bị nghe nhìn phù hợp.

4.2. Tiêu chí 4.2. Tại cơ sở chính và các địa điểm, cơ sở trực thuộc có khu vực hoặc điều kiện phù hợp phục vụ tự học, khai thác học liệu bằng tiếng Anh và sử dụng thiết bị nghe nhìn.

4.3. Tiêu chí 4.3. Có ít nhất 40 đầu sách, tài liệu song ngữ hoặc tiếng Anh/100 người học.

4.4. Tiêu chí 4.4. Có ít nhất 50% người học thường xuyên sử dụng học liệu phục vụ học tập bằng tiếng Anh.

5. Tiêu chuẩn 5. Chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

5.1. Tiêu chí 5.1. Kho học liệu số được rà soát, cập nhật ít nhất hằng năm.

5.2. Tiêu chí 5.2. Có ít nhất 35% tổng số người học thường xuyên truy cập nền tảng số hoặc LMS bằng tài khoản cá nhân để phục vụ học tập.

5.3. Tiêu chí 5.3. Có ít nhất 60% nhà giáo đạt yêu cầu về năng lực số ở mức phù hợp và thường xuyên sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học, xây dựng học liệu, khai thác nền tảng số hoặc triển khai các dự án học tập tiếng Anh phù hợp, bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác, hội nhập và huy động nguồn lực

6.1. Tiêu chí 6.1. Duy trì ít nhất 02 thỏa thuận, biên bản ghi nhớ hợp tác với đối tác quốc tế phù hợp.

6.2. Tiêu chí 6.2. Tổ chức ít nhất 02 hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật, văn hóa bằng tiếng Anh/năm với đối tác trong nước hoặc quốc tế phù hợp.

6.3. Tiêu chí 6.3. Huy động được ít nhất 02 loại nguồn lực phù hợp để hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án.

Mục 3

MỨC ĐỘ 3

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường và truyền thông sử dụng tiếng Anh

1.1. Tiêu chí 1.1. Tỷ lệ nội dung song ngữ trên biển, bảng, trang thông tin điện tử và thông tin hành chính công khai đạt ít nhất 60% trong phạm vi phù hợp với nội dung, hình thức thông tin thực tế của cơ sở giáo dục.

1.2. Tiêu chí 1.2. Câu lạc bộ tiếng Anh hoặc hình thức tương đương được tổ chức thường xuyên, ít nhất 01 lần/tuần hoặc 04 lần/tháng; tỷ lệ người học tham gia có hoạt động tương tác bằng tiếng Anh đạt ít nhất 60% trong phạm vi người học thuộc hoạt động trong kỳ đánh giá.

1.3. Tiêu chí 1.3. Cơ sở giáo dục có ít nhất 01 khu vực hoặc không gian sử dụng tiếng Anh (English Zone) phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình, nội dung và hoạt động dạy học, giáo dục

2.1. Tiêu chí 2.1. Cơ sở giáo dục có hệ thống các mô-đun, chủ đề hoặc nội dung học tập có sử dụng tiếng Anh được tổ chức phù hợp với chương trình và nhu cầu người học.

2.2. Tiêu chí 2.2. Kết quả đánh giá việc sử dụng tiếng Anh trong học tập được phân tích và sử dụng để điều chỉnh, cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục.

2.3. Tiêu chí 2.3. Có ít nhất 60% số bài học thuộc các môn học được lựa chọn có nội dung văn hóa hoặc nội dung phù hợp thực hiện tích hợp tiếng Anh ở mức độ vi mô hoặc theo phương pháp CLIL.

2.4. Tiêu chí 2.4. Việc sử dụng thuật ngữ, tài liệu tiếng Anh theo mô hình VESL được thực hiện thường xuyên trong các nhóm nghề hoặc lĩnh vực đào tạo có liên quan; có hoạt động thực hành, trải nghiệm hoặc gắn kết với yêu cầu sử dụng tiếng Anh của cơ sở sử dụng lao động, đối tác phù hợp.

2.5. Tiêu chí 2.5. Có ít nhất 03 sáng kiến, nghiên cứu ứng dụng hoặc hoạt động đổi mới được công nhận hoặc áp dụng; trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chia sẻ, áp dụng hoặc nhân rộng ngoài phạm vi cơ sở giáo dục.

2.6. Tiêu chí 2.6. Có ít nhất 03 dự án hoặc sản phẩm học tập đổi mới của người học có sử dụng tiếng Anh; trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được công nhận, trao giải hoặc chia sẻ, sử dụng ngoài phạm vi cơ sở giáo dục.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ và người học

3.1. Tiêu chí 3.1. 100% cán bộ quản lý hoàn thành chương trình hoặc hoạt động bồi dưỡng phù hợp về triển khai Đề án và vận dụng trong quản lý, chỉ đạo thực hiện.

3.2. Tiêu chí 3.2. Có ít nhất 50% tổng số nhà giáo không chuyên tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực ngoại ngữ theo quy định; có minh chứng về việc sử dụng tiếng Anh trong hoạt động dạy học, giáo dục phù hợp.

3.3. Tiêu chí 3.3. Cơ sở giáo dục có cơ chế hỗ trợ tại chỗ về sử dụng tiếng Anh trong dạy học, giáo dục đối với nhà giáo và người học trên cơ sở nguồn lực, nhân lực và hoạt động chuyên môn hiện có.

3.4. Tiêu chí 3.4. Có ít nhất 70% người học thuộc nhóm được đánh giá đạt yêu cầu đầu ra về tiếng Anh theo mục tiêu, chương trình hoặc chuẩn được áp dụng.

3.5. Tiêu chí 3.5. Có ít nhất 70% người học hoàn thành một chuỗi nhiệm vụ hoặc hồ sơ học tập có sử dụng tiếng Anh, có minh chứng về sự tiến bộ trong quá trình học tập.

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất, thiết bị và học liệu

4.1. Tiêu chí 4.1. 100% số phòng học hoặc địa điểm tổ chức hoạt động đào tạo, giáo dục được trang bị thiết bị nghe nhìn phù hợp; thiết bị được bảo trì, nâng cấp định kỳ theo điều kiện thực tế.

4.2. Tiêu chí 4.2. Có ít nhất 60 đầu sách, tài liệu song ngữ hoặc tiếng Anh/100 người học; trong đó có ít nhất 30 đầu sách, tài liệu được cập nhật hoặc xuất bản trong 03 năm gần nhất phù hợp với chương trình, nhu cầu người học và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

4.3. Tiêu chí 4.3. Có ít nhất 70% người học thường xuyên sử dụng học liệu phục vụ học tập bằng tiếng Anh; kết quả sử dụng học liệu được theo dõi, phân tích để cải tiến hoạt động hỗ trợ học tập.

5. Tiêu chuẩn 5. Chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

5.1. Tiêu chí 5.1. Có ít nhất 50% tổng số người học thường xuyên truy cập nền tảng số hoặc LMS bằng tài khoản cá nhân để phục vụ học tập.

5.2. Tiêu chí 5.2. Dữ liệu từ nền tảng số hoặc LMS được khai thác, phân tích để theo dõi tiến bộ của người học, hỗ trợ cá thể hóa hoạt động học tập và cải tiến hoạt động dạy học, giáo dục.

5.3. Tiêu chí 5.3. 100% nhà giáo có năng lực số phù hợp với nhiệm vụ được giao và sử dụng hiệu quả các công cụ trí tuệ nhân tạo trong dạy học, giáo dục hoặc xây dựng học liệu phù hợp; việc sử dụng trí tuệ nhân tạo bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác, hội nhập và huy động nguồn lực

6.1. Tiêu chí 6.1. Có ít nhất 03 đối tác hợp tác dài hạn phù hợp để hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

6.2. Tiêu chí 6.2. Tổ chức ít nhất 03 hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật hoặc văn hóa bằng tiếng Anh/năm với đối tác phù hợp với điều kiện thực tế.

6.3. Tiêu chí 6.3. Huy động được ít nhất 03 loại nguồn lực phù hợp để hỗ trợ triển khai thực hiện Đề án; trong đó có ít nhất 01 hoạt động hợp tác hoặc tài trợ được duy trì thường xuyên trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp và phù hợp với khả năng nguồn lực của cơ sở giáo dục.

Phần II

HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI PHỤ LỤC III

1. Giải thích từ ngữ

Trong Phụ lục III này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1.1. *Tiếng Anh nghề nghiệp thực hành (VESL):* Chương trình, mô-đun tiếng Anh gắn với thuật ngữ, tình huống nghề nghiệp cụ thể theo cụm ngành nghề đào

tạo, được tổ chức lồng ghép hoặc thành lớp/hoạt động riêng để nâng cao khả năng sử dụng tiếng Anh trong công việc cho học viên.

1.2. *Giảng dạy tích hợp nội dung và ngôn ngữ (CLIL):* Phương pháp giảng dạy trong đó một môn học hoặc nội dung chuyên môn được truyền đạt thông qua tiếng Anh, đồng thời phát triển cả kiến thức chuyên môn và năng lực ngôn ngữ của người học.

2. Nguyên tắc xác định đối tượng, phạm vi và số liệu

2.1. Đối với tiêu chí quy định bằng tỷ lệ phần trăm, tử số là số đối tượng (người học, nhà giáo, cán bộ quản lý, lớp học, chương trình bồi dưỡng, học liệu hoặc hoạt động) đáp ứng đầy đủ điều kiện của tiêu chí; mẫu số là tổng số đối tượng thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí trong cùng kỳ đánh giá. Đối tượng được xác định theo danh sách, hồ sơ hoặc dữ liệu quản lý có thể kiểm tra; mỗi đối tượng chỉ được tính một lần trong cùng một phép tính. Cơ sở giáo dục thường xuyên phải lưu giữ căn cứ xác định tử số, mẫu số và kết quả tính tỷ lệ.

2.2. Đối với tiêu chí tính theo số lượng chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, nhà giáo, báo cáo viên, cán bộ quản lý, học viên, phòng học, trang thiết bị, học liệu hoặc hoạt động, cơ sở giáo dục thường xuyên phải xác định rõ danh sách đối tượng thuộc phạm vi tiêu chí và thời điểm chốt số liệu; không tính trùng một đối tượng trong cùng một phép tính. Việc xác định kỳ đánh giá và thời điểm chốt số liệu phải thống nhất với quy định tại Thông tư này.

2.3. Trường hợp cơ sở giáo dục thường xuyên không phát sinh đối tượng thuộc phạm vi đánh giá do đặc điểm loại hình, nhiệm vụ bồi dưỡng, giáo dục thường xuyên (như các trung tâm chỉ thực hiện một số nhiệm vụ theo phân công hoặc điều kiện thực tế địa phương) và có hồ sơ chứng minh thì tiêu chí được xác định là "Không áp dụng", không được quy đổi thành "Không đạt". Việc xác định "Không áp dụng" phải được đơn vị/người đánh giá xem xét, xác nhận và nêu rõ căn cứ. Trường hợp mẫu số bằng 0 do cơ sở giáo dục thường xuyên chưa xác định đối tượng, chưa triển khai nội dung phải thực hiện, thiếu hồ sơ hoặc không có dữ liệu hợp lệ thì tiêu chí bắt buộc và tiêu chí phân tầng được xác định là "Không đạt". Cơ sở giáo dục thường xuyên phải thuyết minh rõ nguyên nhân và cung cấp tài liệu có liên quan.

2.4. Đối với tiêu chí định lượng có quy định ngưỡng tối thiểu theo từng mức độ, kết quả đạt ngưỡng của mức độ cao hơn được coi là đáp ứng ngưỡng định lượng của các mức độ thấp hơn đối với cùng tiêu chí. Việc xác định mức độ chung vẫn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Về xác định mức độ

3.1. Mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục thường xuyên là mức độ cao nhất mà cơ sở giáo dục thường xuyên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đối với các tiêu chí áp dụng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

3.2. Khi tự đánh giá, cơ sở giáo dục thường xuyên xác định các tiêu chí áp dụng và tiêu chí không áp dụng (theo nguyên tắc quy định tại điểm c Mục 2 Phần

này). Đối với các tiêu chí có áp dụng nhưng cơ sở giáo dục thường xuyên chưa đáp ứng yêu cầu thì được xác định là chưa đạt.

3.3. Việc tự đánh giá, xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện trên phạm vi toàn cơ sở giáo dục thường xuyên, bao gồm các địa điểm tổ chức hoạt động giáo dục và đơn vị trực thuộc, nếu có, thuộc phạm vi quản lý của cơ sở giáo dục thường xuyên và thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí.

3.4. Đối với các tiêu chí quy định bằng số lượng, tỷ lệ, tần suất hoặc thời lượng, việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án phải tuân thủ đúng ngưỡng và phương pháp tính toán đã quy định tại Mục 2 Phần này; bảo đảm tử số và mẫu số cùng phạm vi đánh giá, cùng thời điểm chốt số liệu và không tính trùng đối tượng.

3.5. Việc xác định và áp dụng các tiêu chí về cơ sở vật chất, thiết bị, học liệu, nền tảng số, trí tuệ nhân tạo, bồi dưỡng đội ngũ và hợp tác, huy động nguồn lực phải căn cứ kết quả thực tế, chức năng, nhiệm vụ, quy mô và khả năng nguồn lực hợp pháp của cơ sở giáo dục.

3.6. Đối với các tiêu chí sử dụng nền tảng số, LMS hoặc trí tuệ nhân tạo, cơ sở giáo dục được sử dụng nền tảng, công cụ hoặc giải pháp phù hợp đang có hoặc được khai thác hợp pháp; không bắt buộc sử dụng một nền tảng, hệ thống hoặc công cụ cụ thể.

3.7. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án phải căn cứ vào điều kiện thực tế, quy mô, loại hình và đặc điểm hoạt động của cơ sở giáo dục; xây dựng lộ trình nâng cao mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng miền, phát huy tối đa nguồn lực hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Phụ lục IV

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 94 /2026/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần I

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC MỨC ĐỘ

Mục 1

MỨC ĐỘ 1

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông

1.1. Tiêu chí 1.1. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) có kế hoạch phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh.

1.2. Tiêu chí 1.2. Cơ sở GDNN có ít nhất 01 nhóm thông tin chính thức thiết yếu được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh và được công bố hoặc phát hành chính thức.

1.3. Tiêu chí 1.3. Cơ sở GDNN tổ chức hoạt động ngoài chương trình đào tạo chính khóa có sử dụng tiếng Anh và có người học tham gia trực tiếp.

1.4. Tiêu chí 1.4. Tỷ lệ hạng mục nhận diện, biển tên và biển chỉ dẫn thiết yếu có nội dung tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh đạt từ 15% đến dưới 30% và có hạng mục đạt yêu cầu thuộc ít nhất 40% số nhóm thực tế phát sinh.

1.5. Tiêu chí 1.5. Tỷ lệ người học các chương trình đào tạo đã tham gia trực tiếp hoạt động ngoài chương trình đào tạo chính khóa có sử dụng tiếng Anh đạt từ 10% đến dưới 20%.

1.6. Tiêu chí 1.6. Mức độ theo dõi, đánh giá, phản hồi và cải tiến môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông đạt từ 20% đến dưới 60% (N = 1 hoặc N = 2); đã lập kế hoạch và xây dựng công cụ; trường hợp N = 2, đã thu thập, kiểm tra và tổng hợp thông tin, phản hồi.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo và hoạt động dạy học, đào tạo

2.1. Tiêu chí 2.1. Trong năm học được đánh giá, cơ sở GDNN tổ chức ít nhất 01 hoạt động đào tạo có sử dụng tiếng Anh, có sự tham gia trực tiếp của người học và gắn với ngành, nghề đào tạo.

2.2. Tiêu chí 2.2. Tỷ lệ chương trình đào tạo có môn học hoặc mô-đun tiếng Anh chuyên ngành trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 20% đến dưới 40%.

2.3. Tiêu chí 2.3. Tỷ lệ chương trình đào tạo có tiếng Anh được tích hợp có mục đích vào ít nhất một môn học hoặc mô-đun thuộc phần chuyên môn nghề trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 30% đến dưới 45%.

2.4. Tiêu chí 2.4. Tỷ lệ chương trình đào tạo đã tổ chức thực tế ít nhất 01 hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh, gắn với ngành, nghề trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 30% đến dưới 50%.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ nhà giáo và người học

3.1. Tiêu chí 3.1. Cơ sở GDNN xác định và áp dụng yêu cầu về năng lực tiếng Anh đối với nhà giáo giảng dạy các môn học, mô-đun bằng tiếng Anh và cán bộ quản lý thuộc vị trí, nhiệm vụ có yêu cầu sử dụng tiếng Anh, phù hợp với vị trí việc làm và mức độ sử dụng tiếng Anh.

3.2. Tiêu chí 3.2. Hằng năm, cơ sở GDNN tổ chức hoặc cử cán bộ quản lý, nhà giáo thuộc đối tượng có yêu cầu sử dụng tiếng Anh tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn về năng lực tiếng Anh và sử dụng tiếng Anh trong dạy học, quản lý, phù hợp với vị trí và nhiệm vụ.

3.3. Tiêu chí 3.3. Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun bằng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh do cơ sở GDNN xác định trên tổng số nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun phần chuyên môn nghề của chương trình đào tạo đạt từ 10% đến dưới 30%.

3.4. Tiêu chí 3.4. Tỷ lệ cán bộ quản lý cấp khoa, phòng, bộ môn, trung tâm đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh do cơ sở GDNN xác định trên tổng số cán bộ quản lý thuộc nhóm đối tượng này đạt từ 50% đến dưới 70%.

3.5. Tiêu chí 3.5. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh theo quy định của chương trình đào tạo và được cơ sở GDNN công nhận kết quả đánh giá trên tổng số người học thuộc đối tượng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế hoặc xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo theo tín chỉ đạt từ 70% đến dưới 80%.

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất, học liệu

4.1. Tiêu chí 4.1. Cơ sở GDNN có cơ sở vật chất và thiết bị phục vụ dạy học tiếng Anh và dạy học các môn học, mô-đun chuyên môn nghề có sử dụng tiếng Anh.

4.2. Tiêu chí 4.2. Thư viện của cơ sở GDNN có kết nối với các nguồn học liệu cho phép nhà giáo và người học tiếp cận, khai thác và sử dụng tài liệu bằng tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh phục vụ hoạt động dạy và học.

4.3. Tiêu chí 4.3. Tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Anh và dạy học các môn học, mô-đun chuyên môn nghề có sử dụng tiếng Anh trên tổng số phòng học lý thuyết được sử dụng cho hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh đạt từ 50% đến dưới 70%.

4.4. Tiêu chí 4.4. Tỷ lệ môn học, mô-đun có sử dụng học liệu bằng tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh trên tổng số môn học, mô-đun có sử dụng tiếng Anh trong dạy học đạt từ 15% đến dưới 30%.

5. Tiêu chuẩn 5. Chuyển đổi số

5.1. Tiêu chí 5.1. Cơ sở GDNN có văn bản hoặc nội dung quy định, kế hoạch về triển khai chuyển đổi số và hạ tầng số phục vụ việc đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai.

5.2. Tiêu chí 5.2. Cơ sở GDNN có nền tảng số, dữ liệu số và học liệu số hỗ trợ môi trường sử dụng tiếng Anh.

5.3. Tiêu chí 5.3. Tỷ lệ nhà giáo sử dụng nền tảng số, học liệu số hoặc công cụ số trong hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học đạt từ 40% đến dưới 60%.

5.4. Tiêu chí 5.4. Tỷ lệ người học có hoạt động sử dụng thực tế nền tảng số để học tập và phát triển năng lực tiếng Anh đạt từ 50% đến dưới 70%.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác quốc tế và hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

6.1. Tiêu chí 6.1. Cơ sở GDNN tổ chức hoặc phối hợp tổ chức ít nhất 01 hoạt động có sử dụng tiếng Anh và có người học tham gia trực tiếp; hoặc tham gia ít nhất 01 hoạt động sử dụng tiếng Anh có yếu tố quốc tế.

6.2. Tiêu chí 6.2. Mức độ đa dạng của các hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh được triển khai trong năm học, thể hiện qua số nội dung hợp tác, đạt từ 01 đến 02 nội dung hợp tác.

6.3. Tiêu chí 6.3. Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhà giáo tham gia ít nhất 01 hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh trên tổng số cán bộ quản lý và nhà giáo của cơ sở GDNN trong năm học được đánh giá đạt từ 10% đến dưới 20%.

Mục 2

MỨC ĐỘ 2

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông

1.1. Tiêu chí 1.1. Tỷ lệ hạng mục nhận diện, biển tên và biển chỉ dẫn thiết yếu có nội dung tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh đạt từ 30% đến dưới 50% và có hạng mục đạt yêu cầu thuộc ít nhất 60% số nhóm thực tế phát sinh.

1.2. Tiêu chí 1.2. Tỷ lệ người học các chương trình đào tạo đã tham gia trực tiếp hoạt động ngoài chương trình đào tạo chính khóa có sử dụng tiếng Anh đạt từ 20% đến dưới 40%.

1.3. Tiêu chí 1.3. Mức độ theo dõi, đánh giá, phản hồi và cải tiến môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông đạt từ 60% đến dưới 100% (N = 3 hoặc N = 4); đã phân tích, đánh giá kết quả; trường hợp N = 4, đã xác định và tổ chức thực hiện biện pháp cải tiến.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo và hoạt động dạy học, đào tạo

2.1. Tiêu chí 2.1. Tỷ lệ chương trình đào tạo có môn học hoặc mô-đun tiếng Anh chuyên ngành trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 40% đến dưới 60%.

2.2. Tiêu chí 2.2. Tỷ lệ chương trình đào tạo có tiếng Anh được tích hợp có mục đích vào ít nhất một môn học hoặc mô-đun thuộc phần chuyên môn nghề trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 45% đến dưới 60%.

2.3. Tiêu chí 2.3. Tỷ lệ chương trình đào tạo có tổ chức thực tế ít nhất 01 hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh, gắn với ngành, nghề trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 50% đến dưới 70%.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ nhà giáo và người học

3.1. Tiêu chí 3.1. Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun bằng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh do cơ sở GDNN xác định trên tổng số nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun phần chuyên môn nghề của chương trình đào tạo đạt từ 30% đến dưới 50%.

3.2. Tiêu chí 3.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý cấp khoa, phòng, bộ môn, trung tâm đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh do cơ sở GDNN xác định trên tổng số cán bộ quản lý thuộc nhóm đối tượng này đạt từ 70% đến dưới 90%.

3.3. Tiêu chí 3.3. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh theo quy định của chương trình đào tạo và được cơ sở GDNN công nhận kết quả đánh giá trên tổng số người học thuộc đối tượng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế hoặc xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo theo tín chỉ đạt từ 80% đến dưới 90%.

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất, học liệu

4.1. Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Anh và dạy học các môn học, mô-đun chuyên môn nghề có sử dụng tiếng Anh trên tổng số phòng học lý thuyết được sử dụng cho hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh đạt từ 70% đến dưới 90%.

4.2. Tiêu chí 4.2. Tỷ lệ môn học, mô-đun có sử dụng học liệu bằng tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh trên tổng số môn học, mô-đun có sử dụng tiếng Anh trong dạy học đạt từ 30% đến dưới 50%.

5. Tiêu chuẩn 5. Chuyển đổi số

5.1. Tiêu chí 5.1. Tỷ lệ nhà giáo sử dụng nền tảng số, học liệu số hoặc công cụ số trong hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học đạt từ 60% đến dưới 80%.

5.2. Tiêu chí 5.2. Tỷ lệ người học có hoạt động sử dụng thực tế nền tảng số để học tập và phát triển năng lực tiếng Anh đạt từ 70% đến dưới 90%.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác quốc tế và hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

6.1. Tiêu chí 6.1. Mức độ đa dạng của các hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh được triển khai trong năm học, thể hiện qua số nội dung hợp tác, đạt từ 03 đến 04 nội dung hợp tác.

6.2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhà giáo tham gia ít nhất 01 hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh trên tổng số cán bộ quản lý và nhà giáo của cơ sở GDNN trong năm học được đánh giá đạt từ 20% đến dưới 30%.

Mục 3

MỨC ĐỘ 3

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông

1.1. Tiêu chí 1.1. Tỷ lệ hạng mục nhận diện, biển tên và biển chỉ dẫn thiết yếu có nội dung tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh đạt từ 50% trở lên và có hạng mục đạt yêu cầu thuộc ít nhất 80% số nhóm thực tế phát sinh.

1.2. Tiêu chí 1.2. Tỷ lệ người học các chương trình đào tạo đã tham gia trực tiếp hoạt động ngoài chương trình đào tạo chính khóa có sử dụng tiếng Anh đạt từ 40% trở lên.

1.3. Tiêu chí 1.3. Mức độ theo dõi, đánh giá, phản hồi và cải tiến môi trường sử dụng tiếng Anh và hoạt động truyền thông đạt 100% (N = 5), đã hoàn thành đầy đủ chu trình; có minh chứng theo dõi, đánh giá kết quả sau cải tiến và sử dụng kết quả làm căn cứ cho chu kỳ tiếp theo.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo và hoạt động dạy học, đào tạo

2.1. Tiêu chí 2.1. Tỷ lệ chương trình đào tạo có môn học hoặc mô-đun tiếng Anh chuyên ngành trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 60% trở lên.

2.2. Tiêu chí 2.2. Tỷ lệ chương trình đào tạo có tiếng Anh được tích hợp có mục đích vào ít nhất một môn học hoặc mô-đun thuộc phần chuyên môn nghề trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 60% trở lên.

2.3. Tiêu chí 2.3. Tỷ lệ chương trình đào tạo có tổ chức thực tế ít nhất 01 hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh, gắn với ngành, nghề trên tổng số chương trình đào tạo cấp văn bằng của cơ sở GDNN đạt từ 70% trở lên.

3. Tiêu chuẩn 3. Đội ngũ nhà giáo và người học

3.1. Tiêu chí 3.1. Tỷ lệ nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun bằng tiếng Anh đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh do cơ sở GDNN xác định trên tổng số nhà giáo cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun phần chuyên môn nghề của chương trình đào tạo đạt từ 50% trở lên.

3.2. Tiêu chí 3.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý cấp khoa, phòng, bộ môn, trung tâm đáp ứng yêu cầu về năng lực tiếng Anh do cơ sở GDNN xác định trên tổng số cán bộ quản lý thuộc nhóm đối tượng này đạt từ 90% trở lên.

3.3. Tiêu chí 3.3. Tỷ lệ người học đạt yêu cầu về năng lực tiếng Anh theo quy định của chương trình đào tạo và được cơ sở GDNN công nhận kết quả đánh giá trên tổng số người học thuộc đối tượng xét điều kiện dự thi tốt nghiệp đối với đào tạo theo niên chế hoặc xét công nhận tốt nghiệp đối với đào tạo theo tín chỉ đạt từ 90% trở lên.

4. Tiêu chuẩn 4. Cơ sở vật chất, học liệu

4.1. Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ phòng học đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Anh và dạy học các môn học, mô-đun chuyên môn nghề có sử dụng tiếng Anh trên tổng số phòng học lý thuyết được sử dụng cho hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh đạt từ 90% trở lên.

4.2. Tiêu chí 4.2. Tỷ lệ môn học, mô-đun có sử dụng học liệu bằng tiếng Anh hoặc song ngữ Việt - Anh trên tổng số môn học, mô-đun có sử dụng tiếng Anh trong dạy học đạt từ 50% trở lên.

5. Tiêu chuẩn 5. Chuyển đổi số

5.1. Tiêu chí 5.1. Tỷ lệ nhà giáo sử dụng nền tảng số, học liệu số hoặc công cụ số trong hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý kết quả học tập của người học đạt từ 80% trở lên.

5.2. Tiêu chí 5.2. Tỷ lệ người học có hoạt động sử dụng thực tế nền tảng số để học tập và phát triển năng lực tiếng Anh đạt từ 90% trở lên.

6. Tiêu chuẩn 6. Hợp tác quốc tế và hoạt động giáo dục sử dụng tiếng Anh

6.1. Tiêu chí 6.1. Mức độ đa dạng của các hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh được triển khai trong năm học, thể hiện qua số nội dung hợp tác, đạt từ 05 nội dung hợp tác trở lên.

6.2. Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhà giáo tham gia ít nhất 01 hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh trên tổng số cán bộ quản lý và nhà giáo của cơ sở GDNN trong năm học được đánh giá đạt từ 30% trở lên.

Phần II

HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI PHỤ LỤC IV

1. Giải thích từ ngữ

Trong Phụ lục IV này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1.1. *Thông tin chính thức thiết yếu* là thông tin do cơ sở GDNN công bố, phát hành và chịu trách nhiệm về nội dung, phục vụ trực tiếp việc giới thiệu cơ sở GDNN, bao gồm 06 nhóm thông tin sau: (i) giới thiệu cơ sở GDNN; (ii) thông tin tuyển sinh; (iii) thông tin ngành, nghề hoặc chương trình đào tạo; (iv) học phí, học bổng và chính sách đối với người học; (v) hợp tác doanh nghiệp, thực tập và việc làm; (vi) hợp tác quốc tế hoặc hội nhập quốc tế.

1.2. *Hạng mục nhận diện, biển tên và biển chỉ dẫn thiết yếu* là biển, bảng, sơ đồ hoặc hình thức hiển thị tương đương do cơ sở GDNN quản lý và đang được sử dụng chính thức để nhận diện cơ sở GDNN, đơn vị, địa điểm, phòng/khu chức năng hoặc hướng dẫn người học, khách đến liên hệ, gồm 05 nhóm sau: (i) tên cơ sở GDNN và tên các địa điểm đào tạo (nếu có); (ii) sơ đồ khuôn viên, biển chỉ dẫn chung; (iii) tên khoa, phòng, trung tâm, đơn vị trực thuộc; (iv) tên phòng học, phòng chức năng, xưởng/khu thực hành; (v) thư viện và khu vực hỗ trợ người học.

1.3. *Tích hợp tiếng Anh trong môn học hoặc mô-đun chuyên môn nghề* là việc xác định và tổ chức sử dụng tiếng Anh có mục đích trong một hoặc một số nội dung, nhiệm vụ học tập, thực hành, tài liệu, sản phẩm hoặc hoạt động đánh giá của môn học, mô-đun. Nội dung tích hợp phải được thể hiện trong chương trình, đề cương, kế hoạch dạy học hoặc tài liệu tổ chức đào tạo và không phải là việc giảng dạy toàn bộ môn học, mô-đun bằng tiếng Anh. Không tính trường hợp chỉ sử dụng tên gọi, khẩu hiệu, một số từ tiếng Anh minh họa hoặc tài liệu tiếng Anh không gắn với mục tiêu, nội dung hay nhiệm vụ học tập của môn học, mô-đun.

1.4. *Môn học hoặc mô-đun tiếng Anh chuyên ngành* là môn học hoặc mô-đun có mục tiêu, nội dung và yêu cầu đánh giá về việc sử dụng tiếng Anh gắn với thuật ngữ, tài liệu, quy trình, nhiệm vụ, giao tiếp hoặc vị trí việc làm của ngành, nghề đào tạo. Không tính môn học tiếng Anh cơ bản thuộc khối môn học chung.

1.5. *Hoạt động dạy học có sử dụng tiếng Anh* là hoạt động dạy và học trong đó tiếng Anh được sử dụng trong quá trình truyền đạt, tương tác, thực hành hoặc khai thác học liệu.

1.6. *Phòng học đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Anh* và dạy học các môn học, mô-đun chuyên môn nghề có sử dụng tiếng Anh là phòng học được cơ sở GDNN bố trí để tổ chức dạy học môn học tiếng Anh, tiếng Anh chuyên ngành, tích hợp hoặc dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh bảo đảm điều kiện: về diện tích, có khả năng bố trí hoạt động cá nhân, cặp, nhóm; có thiết bị trình chiếu và thiết bị âm thanh phù hợp với hoạt động dạy học; có kết nối Internet đáp ứng việc khai thác nền tảng số và học liệu số khi cần thiết và có khả năng sử dụng thực tế.

1.7. *Hoạt động hợp tác có sử dụng tiếng Anh* là hoạt động hợp tác trong triển khai hoạt động đào tạo, phát triển chương trình đào tạo; hợp tác ứng dụng nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo phục vụ hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; hợp tác triển khai hoạt động sáng tạo hoặc chuyển giao sản phẩm sáng tạo về văn hóa nghệ thuật, thể thao; hợp tác trong tổ chức thực hành, thực tập; hợp tác triển khai mô hình học tập trong GDNN; các hoạt động chuyên môn khác có sử dụng tiếng Anh.

2. Nguyên tắc xác định đối tượng, phạm vi và số liệu

2.1. Đối với tiêu chí quy định bằng tỷ lệ phần trăm, tử số là số đối tượng đáp ứng đầy đủ điều kiện của tiêu chí; mẫu số là tổng số đối tượng thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí trong cùng kỳ đánh giá. Đối tượng được xác định theo danh sách, hồ sơ hoặc dữ liệu quản lý có thể kiểm tra; mỗi đối tượng chỉ được tính một lần trong cùng một phép tính. Cơ sở GDNN phải lưu giữ căn cứ xác định tử số, mẫu số và kết quả tính tỷ lệ.

2.2. Đối với tiêu chí tính theo số chương trình đào tạo, nhà giáo, cán bộ quản lý, người học, phòng học, môn học, mô-đun, học liệu hoặc hoạt động, cơ sở GDNN phải xác định rõ danh sách đối tượng thuộc phạm vi tiêu chí và thời điểm chốt số liệu; không tính trùng một đối tượng trong cùng một phép tính. Việc xác định kỳ đánh giá và thời điểm chốt số liệu phải thống nhất với quy định tại Thông tư này.

2.3. Trường hợp mẫu số bằng "0":

- Trường hợp cơ sở GDNN không phát sinh đối tượng thuộc phạm vi đánh giá do đặc điểm loại hình, ngành, nghề hoặc nhiệm vụ và có hồ sơ chứng minh thì tiêu chí được xác định là "Không áp dụng", không được quy đổi thành "Không đạt".

- Trường hợp mẫu số bằng 0 do cơ sở GDNN chưa xác định đối tượng, chưa triển khai nội dung phải thực hiện, thiếu hồ sơ hoặc không có dữ liệu hợp lệ thì tiêu chí bắt buộc và tiêu chí phân tầng được xác định là "Không đạt". Cơ sở GDNN phải thuyết minh rõ nguyên nhân và cung cấp tài liệu có liên quan.

2.4. Đối với tiêu chí định lượng có quy định ngưỡng tối thiểu theo từng mức độ, kết quả đạt ngưỡng của mức độ cao hơn được coi là đáp ứng ngưỡng định lượng của các mức độ thấp hơn đối với cùng tiêu chí. Việc xác định mức độ chung vẫn phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu và nguyên tắc quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

3. Về xác định mức độ

3.1. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án tại cơ sở GDNN được thực hiện theo 03 mức độ (từ Mức độ 1 đến Mức độ 3) và trường hợp chưa xác định được mức độ theo nguyên tắc, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

3.2. Mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở GDNN là mức độ cao nhất mà cơ sở GDNN đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Thông tư này. Việc xác định mức độ được xem xét trên tổng thể các tiêu chuẩn, tiêu chí tương ứng với từng mức độ quy định tại Phần I Phụ lục này.

3.3. Đối với các tiêu chí quy định bằng số lượng, tỷ lệ, tần suất hoặc thời lượng, việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện theo đúng các nguyên tắc quy định tại Mục 2 Phần này.

3.4. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án phải căn cứ vào điều kiện thực tế, quy mô, loại hình và đặc điểm hoạt động của cơ sở GDNN; xây dựng lộ trình nâng cao mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng miền, phát huy tối đa nguồn lực hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

4. Nguyên tắc đánh giá chu trình theo dõi, đánh giá, phản hồi và cải tiến

Đối với các tiêu chí về mức độ theo dõi, đánh giá, phản hồi và cải tiến, chu trình được xác định theo 05 nội dung:

(1) Lập kế hoạch;

(2) Xây dựng công cụ và tổ chức thu thập, kiểm tra, tổng hợp thông tin, phản hồi;

(3) Phân tích, đánh giá kết quả;

(4) Xác định và tổ chức thực hiện biện pháp cải tiến;

(5) Theo dõi, đánh giá kết quả sau cải tiến và sử dụng kết quả làm căn cứ cho chu kỳ tiếp theo.

Ký hiệu N là số nội dung của chu trình liên tiếp đã hoàn thành, tính từ nội dung (1); N có giá trị từ 0 đến 5. Mỗi nội dung chỉ được công nhận khi có minh chứng kiểm tra được và kết quả của nội dung trước được sử dụng cho nội dung tiếp theo. Không cộng các nội dung rời rạc hoặc bỏ qua bước trung gian. Mỗi nội dung hoàn thành tương ứng 20%. Cơ sở GDNN được xếp ở mức cao nhất khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của mức độ đó.

Phụ lục V

TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN ĐỐI VỚI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2026/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Phần I
TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC MỨC ĐỘ

Mục 1
MỨC ĐỘ 1

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ, thông tin truyền thông và dịch vụ hỗ trợ người học

1.1. Tiêu chí 1.1. Có nội dung triển khai Đề án được thể hiện trong kế hoạch, chương trình hoặc hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; có thông tin giới thiệu về hoạt động triển khai Đề án trên trang thông tin điện tử hoặc các phương thức thông tin, truyền thông phù hợp của cơ sở giáo dục đại học; thông tin được cập nhật định kỳ.

1.2. Tiêu chí 1.2. Có dịch vụ hỗ trợ người học sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, giao tiếp hoặc tiếp cận thông tin tại cơ sở giáo dục đại học.

1.3. Tiêu chí 1.3. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động giao tiếp nội bộ giữa cán bộ, giảng viên, người học có sử dụng tiếng Anh trong tổng số hoạt động giao tiếp nội bộ có kế hoạch của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

1.4. Tiêu chí 1.4. Trong 01 năm học, tỷ lệ các sản phẩm truyền thông có phiên bản tiếng Anh trong tổng số sản phẩm truyền thông của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

1.5. Tiêu chí 1.5. Trong 01 năm học, tỷ lệ các dịch vụ hỗ trợ người học (bao gồm cả hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến) được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ (Việt - Anh) trong tổng số dịch vụ hỗ trợ người học của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

1.6. Tiêu chí 1.6. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động ngoại khóa của cơ sở giáo dục được tổ chức bằng tiếng Anh trong tổng số hoạt động ngoại khóa của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo

2.1. Tiêu chí 2.1. Trong một năm học, tỷ lệ trung bình các học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh (EMI) trong mỗi chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50% (trừ các chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài và nhóm ngành Sư phạm ngoại ngữ).

2.2. Tiêu chí 2.2. Trong một năm học, tỷ lệ chương trình đào tạo có ít nhất 01 học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng

Anh trong tổng số chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

2.3. Tiêu chí 2.3. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động sinh hoạt chuyên môn sử dụng tiếng Anh trong tổng số hoạt động sinh hoạt chuyên môn của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

3. Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất, học liệu và chuyển đổi số

3.1. Tiêu chí 3.1. Trong một năm học, tỷ lệ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học có thông tin, hướng dẫn sử dụng hoặc hỗ trợ tương tác bằng tiếng Anh trong danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc phạm vi đánh giá của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

3.2. Tiêu chí 3.2. Trong một năm học, tỷ lệ học liệu bằng tiếng Anh trong tổng số học liệu được phê duyệt và đưa vào sử dụng chính thức của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

3.3. Tiêu chí 3.3. Trong một năm học, tỷ lệ các học phần được số hóa hoàn chỉnh thành bài giảng số, khóa học trực tuyến có phiên bản tiếng Anh trong tổng số học phần chuyên ngành của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

4. Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ nhà giáo và người học

4.1. Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ giảng viên chuyên ngành có năng lực tiếng Anh đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu hoặc chuyên môn được giao trong tổng số giảng viên chuyên ngành của cơ sở giáo dục đại học (không bao gồm các chương trình đào tạo thuộc khối ngành Ngôn ngữ văn học, văn hoá nước ngoài và Sư phạm ngoại ngữ) đạt từ 25% đến dưới 50%.

4.2. Tiêu chí 4.2. Trong 01 năm học, tỷ lệ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đã tham gia ít nhất 01 hoạt động bồi dưỡng, cập nhật năng lực sử dụng tiếng Anh đạt từ 25% đến dưới 50%.

4.3. Tiêu chí 4.3. Tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn năng lực tiếng Anh trước năm học cuối theo quy định của chương trình đào tạo trong tổng số sinh viên cùng khoá đạt từ 25% đến dưới 50%.

5. Tiêu chuẩn 5. Hợp tác trong nước và quốc tế

5.1. Tiêu chí 5.1. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học chủ trì hoặc phối hợp tổ chức ít nhất 01 hoạt động/sự kiện về giao lưu học thuật, hội thảo, hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo có sự tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến của đối tác trong nước hoặc quốc tế và được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc có sử dụng tiếng Anh.

5.2. Tiêu chí 5.2. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học cử hoặc tổ chức ít nhất 03 đoàn gồm giảng viên, người học đến làm việc, trao đổi, kiến tập, thực hành, thực tập chuyên môn hoặc hợp tác nghiên cứu tại các cơ sở đối tác trong nước hoặc nước ngoài có sử dụng tiếng Anh.

6. Tiêu chuẩn 6. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.1. Tiêu chí 6.1. Trong kỳ đánh giá, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có công bố khoa học bằng tiếng Anh trên tổng số giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 25% đến dưới 50%.

6.2. Tiêu chí 6.2. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học chủ trì tổ chức hoặc tham gia tổ chức ít nhất 01 hội nghị, hội thảo hoặc tọa đàm khoa học có sử dụng tiếng Anh.

6.3. Tiêu chí 6.3. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học thực hiện từ 01 đến 02 nhiệm vụ, đề tài hoặc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sự tham gia của đối tác và có sử dụng tiếng Anh.

Mục 2

MỨC ĐỘ 2

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ, thông tin truyền thông và dịch vụ hỗ trợ người học

1.1. Tiêu chí 1.1. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động giao tiếp nội bộ giữa cán bộ, giảng viên, người học có sử dụng tiếng Anh trong tổng số hoạt động giao tiếp nội bộ có kế hoạch của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

1.2. Tiêu chí 1.2. Trong 01 năm học, tỷ lệ các sản phẩm truyền thông có phiên bản tiếng Anh trong tổng số sản phẩm truyền thông của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

1.3. Tiêu chí 1.3. Trong 01 năm học, tỷ lệ các dịch vụ hỗ trợ người học (bao gồm cả hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến) được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ (Việt - Anh) trong tổng số dịch vụ hỗ trợ người học của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

1.4. Tiêu chí 1.4. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động ngoại khóa của cơ sở giáo dục được tổ chức bằng tiếng Anh trong tổng số hoạt động ngoại khoá của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo

2.1. Tiêu chí 2.1. Trong một năm học, tỷ lệ trung bình các học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh (EMI) trong mỗi chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75% (trừ các chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài và nhóm ngành Sư phạm ngoại ngữ).

2.2. Tiêu chí 2.2. Trong một năm học, tỷ lệ trung bình số học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh trong mỗi chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

2.3. Tiêu chí 2.3. Trong một năm học, tỷ lệ chương trình đào tạo có ít nhất 01 học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh trong tổng số chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

2.4. Tiêu chí 2.4. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động sinh hoạt chuyên môn sử dụng tiếng Anh trong tổng số hoạt động sinh hoạt chuyên môn của của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

3. Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất, học liệu và chuyển đổi số

3.1. Tiêu chí 3.1. Trong một năm học, tỷ lệ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học có thông tin, hướng dẫn sử dụng hoặc

hỗ trợ tương tác bằng tiếng Anh trong danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc phạm vi đánh giá của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

3.2. Tiêu chí 3.2. Trong một năm học, tỷ lệ học liệu bằng tiếng Anh trong tổng số học liệu được phê duyệt và đưa vào sử dụng chính thức của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

3.3. Tiêu chí 3.3. Trong một năm học, tỷ lệ các học phần được số hóa hoàn chỉnh thành bài giảng số, khóa học trực tuyến có phiên bản tiếng Anh trong tổng số học phần chuyên ngành của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

4. Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ nhà giáo và người học

4.1. Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ giảng viên chuyên ngành có năng lực tiếng Anh đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu hoặc chuyên môn được giao trong tổng số giảng viên chuyên ngành của cơ sở giáo dục đại học (không bao gồm các chương trình đào tạo thuộc khối ngành Ngôn ngữ văn học, văn hoá nước ngoài và Sư phạm ngoại ngữ) đạt từ 50% đến dưới 75%.

4.2. Tiêu chí 4.2. Trong 01 năm học, tỷ lệ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đã tham gia ít nhất 01 hoạt động bồi dưỡng, cập nhật năng lực sử dụng tiếng Anh đạt từ 50% đến dưới 75%.

4.3. Tiêu chí 4.3. Tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn năng lực tiếng Anh trước năm học cuối theo quy định của chương trình đào tạo trong tổng số sinh viên cùng khoá đạt từ 50% đến dưới 75%.

5. Tiêu chuẩn 5. Hợp tác trong nước và quốc tế

5.1. Tiêu chí 5.1. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học chủ trì hoặc phối hợp tổ chức từ 03 đến 04 hoạt động/sự kiện về giao lưu học thuật, hội thảo, hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo có sự tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến của đối tác trong nước hoặc quốc tế và được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc có sử dụng tiếng Anh.

5.2. Tiêu chí 5.2. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học cử hoặc tổ chức từ 05 đến 06 đoàn gồm giảng viên, người học đến làm việc, trao đổi, kiến tập, thực hành, thực tập chuyên môn hoặc hợp tác nghiên cứu tại các cơ sở đối tác trong nước hoặc nước ngoài có sử dụng tiếng Anh.

6. Tiêu chuẩn 6. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.1. Tiêu chí 6.1. Trong kỳ đánh giá, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có công bố khoa học bằng tiếng Anh trên tổng số giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 50% đến dưới 75%.

6.2. Tiêu chí 6.2. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học chủ trì tổ chức hoặc tham gia tổ chức ít nhất 02 hội nghị, hội thảo hoặc tọa đàm khoa học có sử dụng tiếng Anh.

6.3. Tiêu chí 6.3. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học thực hiện từ 03 đến 04 nhiệm vụ, đề tài hoặc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sự tham gia của đối tác và có sử dụng tiếng Anh.

Mục 3

MỨC ĐỘ 3

1. Tiêu chuẩn 1. Môi trường ngôn ngữ, thông tin truyền thông và dịch vụ hỗ trợ người học

1.1. Tiêu chí 1.1. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động giao tiếp nội bộ giữa cán bộ, giảng viên, người học có sử dụng tiếng Anh trong tổng số hoạt động giao tiếp nội bộ có kế hoạch của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

1.2. Tiêu chí 1.2. Trong 01 năm học, tỷ lệ các sản phẩm truyền thông có phiên bản tiếng Anh trong tổng số sản phẩm truyền thông của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

1.3. Tiêu chí 1.3. Trong 01 năm học, tỷ lệ các dịch vụ hỗ trợ người học (bao gồm cả hỗ trợ trực tiếp và trực tuyến) được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc song ngữ (Việt - Anh) trong tổng số dịch vụ hỗ trợ người học của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

1.4. Tiêu chí 1.4. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động ngoại khóa của cơ sở giáo dục được tổ chức bằng tiếng Anh trong tổng số hoạt động ngoại khoá của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

2. Tiêu chuẩn 2. Chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo

2.1. Tiêu chí 2.1. Trong một năm học, tỷ lệ trung bình các học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh (EMI) trong mỗi chương trình đào tạo của của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên (trừ các chương trình đào tạo thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hoá nước ngoài và nhóm ngành Sư phạm ngoại ngữ).

2.2. Tiêu chí 2.2. Trong một năm học, tỷ lệ trung bình các học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh trong mỗi chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

2.3. Tiêu chí 2.3. Trong một năm học, tỷ lệ chương trình đào tạo có ít nhất 01 học phần được thiết kế, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập bằng tiếng Anh trong tổng số chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

2.4. Tiêu chí 2.4. Trong một năm học, tỷ lệ hoạt động sinh hoạt chuyên môn sử dụng tiếng Anh trong tổng số hoạt động sinh hoạt chuyên môn của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

3. Tiêu chuẩn 3. Cơ sở vật chất, học liệu và chuyển đổi số

3.1. Tiêu chí 3.1. Trong 01 năm học, tỷ lệ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học có thông tin, hướng dẫn sử dụng hoặc hỗ trợ tương tác bằng tiếng Anh trong danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị thuộc phạm vi đánh giá của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

3.2. Tiêu chí 3.2. Trong 01 năm học, tỷ lệ học liệu bằng tiếng Anh trong tổng số học liệu được phê duyệt và đưa vào sử dụng chính thức của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

3.3. Tiêu chí 3.3. Trong 01 năm học, tỷ lệ các học phần được số hóa hoàn chỉnh thành bài giảng số, khóa học trực tuyến có phiên bản tiếng Anh trong tổng số học phần chuyên ngành của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

4. Tiêu chuẩn 4. Đội ngũ nhà giáo và người học

4.1. Tiêu chí 4.1. Tỷ lệ giảng viên chuyên ngành có năng lực tiếng Anh đáp ứng yêu cầu sử dụng tiếng Anh trong hoạt động giảng dạy, nghiên cứu hoặc chuyên môn được giao trong tổng số giảng viên chuyên ngành của cơ sở giáo dục đại học (không bao gồm các chương trình đào tạo thuộc khối ngành Ngôn ngữ văn học, văn hoá nước ngoài và Sư phạm ngoại ngữ) đạt từ 75% trở lên.

4.2. Tiêu chí 4.2. Trong 01 năm học, tỷ lệ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đã tham gia ít nhất 01 hoạt động bồi dưỡng, cập nhật năng lực sử dụng tiếng Anh đạt từ 75% trở lên.

4.3. Tiêu chí 4.3. Tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn năng lực tiếng Anh trước năm học cuối theo quy định của chương trình đào tạo trong tổng số sinh viên cùng khoá đạt từ 75% trở lên.

5. Tiêu chuẩn 5. Hợp tác trong nước và quốc tế

5.1. Tiêu chí 5.1. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học chủ trì hoặc phối hợp tổ chức ít nhất 05 hoạt động/sự kiện về giao lưu học thuật, hội thảo, hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo có sự tham gia trực tiếp hoặc trực tuyến của đối tác trong nước hoặc quốc tế và được thực hiện bằng tiếng Anh hoặc có sử dụng tiếng Anh.

5.2. Tiêu chí 5.2. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học cử hoặc tổ chức ít nhất 07 đoàn gồm giảng viên, người học đến làm việc, trao đổi, kiến tập, thực hành, thực tập chuyên môn hoặc hợp tác nghiên cứu tại các cơ sở đối tác trong nước hoặc nước ngoài có sử dụng tiếng Anh.

6. Tiêu chuẩn 6. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

6.1. Tiêu chí 6.1. Trong kỳ đánh giá, tỷ lệ giảng viên cơ hữu có công bố khoa học bằng tiếng Anh trong tổng số giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học đạt từ 75% trở lên.

6.2. Tiêu chí 6.2. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học tổ chức hoặc tham gia tổ chức ít nhất 03 hội nghị, hội thảo hoặc tọa đàm khoa học có sử dụng tiếng Anh.

6.3. Tiêu chí 6.3. Trong một năm học, cơ sở giáo dục đại học thực hiện ít nhất 05 nhiệm vụ, đề tài hoặc dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sự tham gia của đối tác và có sử dụng tiếng Anh.

Phần II

HƯỚNG DẪN ĐỐI VỚI PHỤ LỤC V

1. Giải thích từ ngữ

Trong Phụ lục V này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1.1. *Dịch vụ hỗ trợ người học* là các dịch vụ hỗ trợ học thuật, phi học thuật nhằm tối ưu hóa trải nghiệm học tập, bảo đảm sức khỏe tinh thần - thể chất và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của người học; bao gồm nhưng không giới hạn trong các dịch vụ như: hỗ trợ học thuật và phát triển kỹ năng, hỗ trợ đời sống và tâm lý, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khoẻ, bảo hiểm, hỗ trợ tài chính, hướng nghiệp, hỗ trợ sự nghiệp và kết nối việc làm, hỗ trợ cho người học thuộc nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương.

1.2. *Hoạt động ngoại khóa* là các hoạt động giáo dục, văn hóa, thể thao hoặc xã hội nằm ngoài khung chương trình đào tạo chính khóa và không tính tín chỉ, được tổ chức nhằm giúp người học rèn luyện kỹ năng mềm, phát triển thể chất và mở rộng trải nghiệm thực tế trên tinh thần tự nguyện.

1.3. *Học liệu* là tập hợp các nguồn tài nguyên tri thức, thông tin và phương tiện hỗ trợ được tổ chức một cách hệ thống nhằm phục vụ trực tiếp cho hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học; bao gồm nhưng không giới hạn trong:

-Tài liệu giảng dạy chính: Giáo trình, bài giảng số, tài liệu hướng dẫn học tập (Course syllabus/Study guides).

-Tài liệu tham khảo: Sách chuyên khảo, tạp chí khoa học, các cơ sở dữ liệu học thuật số.

-Tài nguyên bổ trợ: Kho câu hỏi ôn tập, ca lâm sàng/tình huống thực hành (Case studies), học liệu đa phương tiện (Video, Podcast, phần mềm mô phỏng) và các công cụ hỗ trợ ngôn ngữ dựa trên nền tảng công nghệ.

1.4. Học phần chuyên môn được giảng dạy bằng tiếng Anh (EMI): Là học phần có mục tiêu chính nhằm hình thành kiến thức, kỹ năng chuyên môn và sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy, học tập và đánh giá; trong khi học phần ESP có mục tiêu chính là phát triển năng lực sử dụng tiếng Anh phục vụ lĩnh vực chuyên môn.

1.5. *Phiên bản tiếng Anh* của tài liệu đào tạo, học liệu, thông tin hoặc tài liệu chuyên môn là bản tiếng Anh được cơ sở giáo dục đại học xây dựng, sử dụng hoặc phê duyệt phù hợp với mục đích, nội dung và phạm vi sử dụng; trường hợp pháp luật hoặc quy định của cơ sở giáo dục đại học yêu cầu phê duyệt, việc phê duyệt được thực hiện theo quy định có liên quan.

1.6. *Các loại hình công bố khoa học bằng tiếng Anh bao gồm*:

- *Bài báo khoa học*: Các bài viết được đăng tải trên các tạp chí khoa học quốc tế hoặc tạp chí khoa học trong nước, quốc tế có sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ xuất bản và được cơ sở giáo dục đại học xác định là công bố khoa học theo quy định có liên quan;

- *Kỷ yếu hội thảo*: Các báo cáo khoa học được trình bày và đăng trong kỷ yếu của các hội thảo khoa học quốc tế hoặc quốc gia có mã số ISBN/ISSN và sử dụng tiếng Anh; bài viết trên kỷ yếu hội thảo nội bộ có sử dụng tiếng Anh (ví dụ hội nghị nghiên cứu khoa học của người học);

- Sách và chương sách: Các ấn phẩm chuyên khảo, tham khảo được xuất bản bởi các nhà xuất bản quốc tế hoặc nhà xuất bản uy tín trong nước bằng tiếng Anh;

1.7. *Yêu cầu "có sử dụng tiếng Anh":* tiếng Anh được sử dụng trong một hoặc một số khâu phù hợp với nội dung, tính chất của hoạt động, sự kiện hoặc nhiệm vụ, thể hiện thông qua giao tiếp, trình bày, thảo luận, tài liệu chuyên môn, học liệu hoặc các hình thức phù hợp khác; mức độ sử dụng tiếng Anh được xác định trên cơ sở kết quả thực tế và phạm vi hoạt động, không yêu cầu toàn bộ hoạt động phải sử dụng tiếng Anh.

2. Nguyên tắc xác định đối tượng, phạm vi và số liệu

2.1. Đối với tiêu chí quy định bằng tỷ lệ phần trăm: tử số là số đối tượng đáp ứng đầy đủ điều kiện của tiêu chí; mẫu số là tổng số đối tượng thuộc phạm vi áp dụng của tiêu chí trong cùng kỳ đánh giá. Đối tượng được xác định theo danh sách, hồ sơ hoặc dữ liệu quản lý có thể kiểm tra, đối chiếu; mỗi đối tượng chỉ được tính một lần trong cùng một phép tính. Cơ sở giáo dục đại học phải lưu giữ căn cứ xác định tử số, mẫu số và kết quả tính tỷ lệ.

2.2. Đối với tiêu chí tính theo số chương trình đào tạo, giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên, học phần, học liệu, đề tài hoặc hoạt động: cơ sở giáo dục đại học phải xác định rõ danh sách đối tượng thuộc phạm vi tiêu chí và thời điểm chốt số liệu; không tính trùng một đối tượng trong cùng một phép tính. Việc xác định kỳ đánh giá và thời điểm chốt số liệu phải thống nhất với quy định tại Thông tư này.

2.3. Trường hợp cơ sở giáo dục đại học không phát sinh đối tượng thuộc phạm vi đánh giá do đặc điểm loại hình, ngành đào tạo hoặc nhiệm vụ đặc thù và có hồ sơ chứng minh: tiêu chí được xác định là "Không áp dụng", không được quy đổi thành "Không đạt". Việc xác định "Không áp dụng" phải được đơn vị/người đánh giá xem xét, xác nhận, có bảng giải trình chi tiết đính kèm báo cáo tự đánh giá và nêu rõ căn cứ trong báo cáo tự đánh giá.

3. Về xác định mức độ

3.1. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án tại cơ sở giáo dục đại học được thực hiện theo 03 mức độ (từ Mức độ 1 đến Mức độ 3) và trường hợp chưa xác định được mức độ theo nguyên tắc, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư này.

3.2. Mức độ triển khai thực hiện Đề án của cơ sở giáo dục đại học là mức độ cao nhất mà cơ sở giáo dục đại học đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Thông tư này. Việc xác định mức độ được xem xét trên tổng thể các tiêu chuẩn, tiêu chí tương ứng với từng mức độ quy định tại Phần I Phụ lục này.

3.3. Đối với các tiêu chí quy định bằng số lượng, tỷ lệ, tần suất hoặc thời lượng, việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án được thực hiện theo đúng các nguyên tắc quy định tại Mục 2 Phần này.

3.4. Đối với tiêu chí liên quan đến cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu, chuyển đổi số, bồi dưỡng đội ngũ, hợp tác và hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, việc xác định mức độ được thực hiện trên cơ sở điều kiện hiện có và kết quả triển khai thực tế của cơ sở giáo dục đại học; các tiêu chí này không được hiểu là yêu cầu bắt buộc cơ sở giáo dục đại học phải bố trí thêm kinh phí, nhân lực hoặc đầu tư mới để đạt mức độ.

3.5. Thông tin, dữ liệu, hồ sơ và minh chứng đã có trong cơ sở dữ liệu ngành hoặc hệ thống quản lý của cơ sở giáo dục đại học được khai thác, sử dụng để xác định mức độ; không yêu cầu cung cấp lại hoặc lập mới khi đã có thông tin, dữ liệu đáp ứng yêu cầu. Việc thu thập, khai thác, lưu trữ và sử dụng thông tin phải bảo đảm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước, bí mật công tác và thông tin thuộc diện hạn chế công khai.

3.6. Kết quả xác định mức độ nhằm theo dõi, đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án, phục vụ quản lý, hỗ trợ và cải thiện hoạt động của cơ sở giáo dục đại học; không sử dụng các tiêu chí, kết quả xác định mức độ để tạo thành hệ thống kiểm định chất lượng, đánh giá ngoài hoặc chuẩn hóa hồ sơ, minh chứng riêng đối với cơ sở giáo dục đại học.

3.7. Việc xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án phải căn cứ vào điều kiện thực tế, quy mô, loại hình và đặc điểm hoạt động của cơ sở giáo dục; xây dựng lộ trình nâng cao mức độ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, vùng miền, phát huy tối đa nguồn lực hiện có, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

Phụ lục VI

BIỂU MẪU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 94/2026/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên biểu mẫu
1	Biểu mẫu số 1. Báo cáo kết quả thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"
2	Biểu mẫu số 2. Báo cáo kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"

Biểu mẫu số 1: Báo cáo kết quả thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/TP …	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO …	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-…	*……, ngày tháng năm 202…*

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"
Năm học 202… - 202…

Thực hiện Thông tư số …/2026/TT-BGDĐT ngày … tháng … năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, tiêu chí và việc đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"; Sở Giáo dục và Đào tạo … báo cáo kết quả thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học", năm học 202…-202… như sau:

1. Kết quả thực hiện

(Chi tiết theo phụ lục gửi kèm Báo cáo này)

2. Đánh giá chung

a) Thuận lợi: …

b) Khó khăn: …

c) Hạn chế và nguyên nhân: …

d) Giải pháp khắc phục hạn chế: …

3. Kiến nghị, đề xuất

a) Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo: …

b) Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: …

c) Các ý kiến kiến nghị, đề xuất khác (nếu có): …./.

Nơi nhận:
- Bộ GDĐT (để b/c);
- UBND tỉnh/thành phố … (để b/c);
- … (để b/c);
- ….(để p/h);
- …
- Lưu: VT, …

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ...

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"
Năm học 202...-202...
(Kèm theo Báo cáo số ...../BC-SGDĐT-... ngày tháng năm 202... của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Cơ sở giáo dục	Tổng số CSGD hiện có	Số CSGD chưa thực hiện tự đánh giá	CSGD đã thực hiện tự đánh giá và kết quả tự xác định/công nhận mức độ đạt được				Kết quả kiểm tra, điều chỉnh kết quả tự công nhận		
				Không đạt	Đạt Mức độ 1	Đạt Mức độ 2	Đạt Mức độ 3	Số lượng CSGD bị điều chỉnh xuống về mức độ	Số lượng CSGD được điều chỉnh lên về mức độ	Ghi chú
1	Trường mầm non									
2	Trường tiểu học									
3	Trường trung học cơ sở									
4	Trường trung học phổ thông									
5	Trường phổ thông có nhiều cấp học									
6	Trường có trường chính, phân hiệu, điểm trường									
7	Trung tâm giáo dục thường xuyên									
8	Trung tâm GDNN - GDTX									
	Cộng									

Biểu mẫu số 2: Báo cáo kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"

...(TÊN ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN) **... (TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC)**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /BC-...	*....., ngày tháng năm 202...*

BÁO CÁO
Kết quả tự đánh giá, tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"

Thực hiện Thông tư số .../2026/TT-BGDĐT ngày ... tháng ... năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn, tiêu chí và việc đánh giá mức độ triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học"; ... báo cáo kết quả thực hiện tự đánh giá như sau[1]:

1. Kết quả tự đánh giá theo Mức độ 1

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá	
		Không đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn ...[2]		
1	Tiêu chí 1.1		
2	Tiêu chí 1.2		
...	...		

a) Cơ sở giáo dục tự xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án: Đạt Mức độ 1/Không đạt Mức độ 1.

b) Nêu nguyên nhân không đạt (nếu có): ...

2. Kết quả tự đánh giá theo Mức độ 2

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá	
		Không đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn ...[3]		
1	Tiêu chí 1.1		
2	Tiêu chí 1.2		
...	...		

a) Cơ sở giáo dục tự xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án: Đạt Mức độ 2/Không đạt Mức độ 2.

[1] Đối với nhà trường có trường chính, phân hiệu, điểm trường thì nội dung báo cáo kết quả tự đánh giá, tự xác định mức độ theo từng đơn vị
[2] Ghi số thứ tự của tiêu chuẩn
[3] Ghi số thứ tự của tiêu chuẩn

b) Nêu nguyên nhân không đạt (nếu có): …

3. Kết quả tự đánh giá theo Mức độ 3

TT	Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Kết quả tự đánh giá	
		Không đạt	Đạt
	Tiêu chuẩn …[4]		
1	Tiêu chí 1.1		
2	Tiêu chí 1.2		
…	…		

a) Cơ sở giáo dục tự xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án: Đạt Mức độ 3/Không đạt Mức độ 3.

b) Nêu nguyên nhân không đạt (nếu có): …

4. Kết quả tự đánh giá, tự công nhận

a) Kết quả tự đánh giá:

Cơ sở giáo dục tự xác định mức độ triển khai thực hiện Đề án: Không đạt/Đạt Mức độ …

b) Kết quả tự công nhận:

Cơ sở giáo dục tự công nhận mức độ triển khai thực hiện Đề án: Không đạt/Đạt Mức độ …

5. Nội dung cần tiếp tục thực hiện, nhiệm vụ cần điều chỉnh và giải pháp thực hiện để nâng cao mức độ

a) Nội dung cần tiếp tục thực hiện để nâng cao mức độ

…

b) Nhiệm vụ cần điều chỉnh

…

c) Giải pháp thực hiện để nâng cao mức độ

…

Nơi nhận:
- … (để b/c);
- …
- Lưu: VT, …

HIỆU TRƯỞNG/GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[4] Ghi số thứ tự của tiêu chuẩn